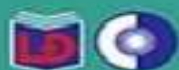




ALEKSANDR CUPRIN

Sulamif

ĐOÀN TỬ HUYẾN
dịch



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



Thông tin sách

Tên sách: **SULAMIF**

Nguyên tác: **Суламифь**

Tác giả: **Aleksandr Kuprin**

Người dịch: **Đoàn Tử Huyền**

Nhà phát hành: **Cửu Đức**

Nhà xuất bản: **NXB Lao động**

Khối lượng: **130g**

Kích thước: **12 x 20.5 cm**

Ngày phát hành: **03/2012**

Số trang: **132**

Giá bìa : **32.000đ**

Thể loại: **Tiểu thuyết Kinh điển - Lãng mạn**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **31/08/2016**

Dự án ebook #226 thuộc Tủ sách BOOKBT



[Giới thiệu](#)

Sulamif là câu chuyện tình giữa vua Solomon và một cô gái dân thường, một tình yêu cháy bỏng, trong sáng, cao cả đầy chất thơ, truyện kết thúc buồn nhưng đầy chất nhân văn.

Từ bấy đến nay đã nhiều thế kỉ trôi qua. Đã có biết bao vua chúa và vương quốc tồn tại trên trái đất này và tất cả đều như những ngọn gió thổi ngang sa mạc, không để lại một dấu vết nào. Đã có biết bao những cuộc chiến tranh tàn khốc, lâu dài để lại tên tuổi những thống soái sáng chói qua các thế kỉ như những ngôi sao bầm máu, nhưng rồi ngay cả những kỉ niệm về họ đến nay cũng đã bị thời gian xóa sạch. Còn tình yêu của một cô gái nghèo con người gác nỏ và nhà vua vĩ đại sẽ không bao giờ bị phai mờ và quên lãng, vì rằng tình yêu đó mạnh như cái chết, vì rằng mỗi người đàn bà đang yêu đều là một nữ hoàng, và vì rằng tình yêu là đẹp nhất trên đời!

Lời giới thiệu

Aleksandr Ivanovitr Kuprin (Александр Иванович Куприн) là một nhà văn tài năng của nước Nga. Sinh ngày 8 tháng 9 năm 1870 tại thị trấn Narovtrat (Наровчат), tỉnh Penza (Пензенская губерния) trong một gia đình quý tộc nghèo, từ nhỏ ông đã phải sống một cuộc sống cô cút, nghèo khổ bên cạnh người mẹ goá bất hạnh. Sáu tuổi, A. Kuprin được gửi đến Cô nhi viện Moskva, rồi được thu xếp cho học trong trường võ bị, sau đó chuyển tới Trường sĩ quan Alexandr. Thời gian này A. Kuprin đã bắt đầu sáng tác.

Năm 1894, A. Kuprin giã từ binh nghiệp và chuyển đến Kiev, trở thành nhà văn chuyên nghiệp, bắt đầu với các truyện ngắn, bút kí, tiểu phẩm, phê bình, phóng sự, trong đó có các tác phẩm đáng chú ý như *Thần Moloch* (Молох, 1896), *Olexia* (Олеся, 1898), *Chó Pudel trắng* (Белый пудель, 1904)... Năm 1905, truyện vừa *Trận quyết đấu* (Поединок) in trên tạp chí *Tri thức* đã mang lại cho ông tiếng tăm vang dội. Sau đó hàng loạt tác phẩm xuất sắc của A. Kuprin như *Dòng sông cuộc đời* (Река жизни, 1907), *Sulamif* (Суламифь, 1911), *Chiếc vòng thạch lựu* (Гранатовый браслет, 1911), *Hố* (Яма, 1915)... đã làm ông thêm nổi tiếng. Năm 1912, nhà văn cho ra mắt bộ tuyển tập tác phẩm tám tập của mình.

Năm 1919 A. Kuprin lưu vong sang Pháp sinh sống. Những năm tháng tha hương, với cuộc sống thiếu thốn vật chất và nỗi buồn nhớ nước Nga không tạo điều kiện tốt cho lao động nghệ thuật của ông. Mùa xuân năm 1937, A. Kuprin trở về quê hương, lâm bệnh nặng và mất ngày 25 tháng 8 năm 1938.

Trong *Tủ sách tác phẩm Đông Tây* này, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc ba tác phẩm của A. Kuprin: truyện vừa *Olexia* và hai thiên truyện tình hay nhất của nhà văn, viết về những mối tình mãnh liệt, cao cả, đẹp và buồn - *Chiếc vòng thạch lựu* và *Sulamif*.

K. Pautovski từng nói về Kuprin rằng: “Chúng ta cần phải biết ơn Kuprin vì tất cả - vì tấm lòng nhân hậu sâu sắc của ông, vì tài năng vô cùng tinh tế của ông, vì tình yêu đối với tổ quốc mình, vì niềm tin không gì lay chuyển nổi vào hạnh phúc của dân tộc mình, và cuối cùng, vì khả năng không bao giờ mất đi ở ông, cái khả năng cháy lên từ những lần tiếp xúc dù ngắn ngủi nhất với chất thơ của cuộc sống, và viết về điều đó một cách thoải mái, nhẹ nhàng”.

Mời bạn đọc thể nghiệm điều đó qua những trang viết của A.Kuprin!

Hãy đặt em, như dấu ấn, trong trái tim chàng,

Như dấu ấn, trên thịt da chàng!

Vì tình yêu mạnh như cái chết.

Lòng ghen tàn bạo như cái chết:

Những mũi tên của nó là những mũi tên lửa.

NHÃ CA^[1]

I

Vua Solomon^[2] còn chưa sống đến khoảng giữa trung bình của tuổi trời cho - bốn mươi lăm tuổi - mà tiếng đồn lừng lẫy về sự thông thái và vẻ đẹp toàn hảo của ngài, về cuộc sống huy hoàng và triều đình tráng lệ của ngài đã lan truyền đi rất xa ra ngoài bờ cõi Palestin^[3]. Ở Assyria và Phoenicia, ở Thượng Ai Cập và Hạ Ai Cập, từ Tabriz đến Yemen và từ Ismar đến Persepolis, dọc miền duyên hải Biển Đen và trên các hòn đảo Địa Trung Hải, khắp nơi nhắc đến tên ngài với một niềm kính ngạc, vì rằng trong số các vua chúa thời đó không có một ai sánh kịp ngài.

Vào năm 480, sau khi dân Israel ra khỏi xứ Ai Cập^[4], năm trị vì thứ tư, nhằm tháng Zife^[5], nhà vua bắt đầu khởi công cất ngôi đền vĩ đại thờ Đức Chúa Trời ở trên núi Moriah và một cung điện ở thành phố Jerusalem^[6]. Tám mươi ngàn thợ đẽo đá và bảy mươi ngàn phu khuân vác liên tục làm việc trên núi và ở các vùng phụ cận thành phố, còn mười ngàn trong số ba mươi ngàn thợ đốn gỗ thay nhau lên núi Liban làm suốt cả tháng trời công việc cực kì nặng nhọc để sau đó được nghỉ ngơi trong hai tháng. Hàng ngàn người kết những cây gỗ đã được đốn xuống thành bè, và hàng trăm thủy thủ chở chúng theo đường biển về Jaffa; ở đó chúng qua tay chế tác của những người Tyre vốn rất thành thạo nghề rèn mộc. Chỉ có việc dựng các Kim tự tháp Chephren, Cheops và Mykerinos ở Giza mới sử dụng đến một số nhân công đông vô vàn như vậy.

Ba ngàn sáu trăm đốc công coi sóc mọi công việc, còn cai quản tất cả các đốc công đó là Azariah con trai của Nathan, một người rất tàn bạo và tháo vát; người ta đồn rằng anh ta không bao giờ ngủ, bị thiêu đốt bởi ngọn lửa của một căn bệnh bên trong không thể nào chữa khỏi. Còn tất cả thiết kế đền và cung điện, hình vẽ các cột trụ, bàn thờ và biển đồng, sơ đồ các cửa sổ, trang trí các bức tường và ngai vàng đều là của kiến trúc sư Hiram

Abiff, quê ở Sidon, con trai của một người thợ đúc đồng thuộc dòng họ Nathalim.

Ngôi đền thờ Đức Chúa Trời được xây dựng xong sau tám năm, vào tháng Bul^[7], còn cung điện nhà vua thì phải sau ba chục năm. Đối lại những khối gỗ bá hương lấy từ trên núi Liban, những tấm ván trắc bá và ôliu, những súc gỗ tòng và bạch đàn hương, những phiến đá quý khổng lồ được bào nhẵn và mài bóng, các loại gấm điều, gấm bạch, gấm tía thêu vàng, những cuộn vải len màu xanh, những chiếc ngà voi và những tấm da cừu đỏ, ròi sắt thép, mã não, vô số đồ sứ, châu ngọc, dây xích vàng, mũ miện, ròi những dây, cặp, lưới, ống, đèn thờ, giá nến, hoa, bản lề cửa bằng vàng, những chiếc đỉnh vàng cân nặng sáu mươi shekel^[8] mỗi chiếc, những chén đĩa đúc bằng vàng, những hoa văn trang trí bằng khảm và chạm trổ, những hình thiên sứ thượng đẳng, sư tử, bò đực, cây cọ và dừa - đối lại tất cả những cái đó Solomon tặng cho vua Hiram xứ Tyre, người cùng họ với kiến trúc sư, hai mươi thành phố ở xứ Galile; và Hiram vẫn coi món quà đó là quá nhỏ mọn - bởi vì chưa ở đâu từng có một sự nguy nga tráng lệ như ngôi đền thờ Đức Chúa Trời và cung điện vua Solomon cùng một cung điện khác nhỏ hơn ở Milo dành cho hoàng hậu Astiz tuyệt sắc, con gái hoàng đế Ai Cập Sussakim. Còn gỗ hồng sắc, mà sau này được dùng làm lan can và cầu thang gác hiên thượng, các loại nhạc cụ và hộp đựng sách thánh, là quà tặng vua Solomon của nữ vương xứ Sheba, nàng Balkis thông minh và kiêu diễm, cùng với một số lượng trầm hương, dầu thơm và nước hoa quý mà từ trước đến nay chưa từng thấy ở Israel.

Sự giàu có của nhà vua mỗi năm càng tăng thêm. Một năm ba lần các tàu thủy của ngài lại trở về bến cảng: tàu Tarshish đi lại trên Địa Trung Hải, còn tàu Hiram hoạt động ở vùng Biển Đen. Chúng chở ngà voi, khi, công và sơn dương từ châu Phi về; những cỗ xe sang trọng từ Ai Cập; những con hổ và sư tử sống cùng với các thú lông, da thú từ Lưỡng Hà; những đàn ngựa trắng như tuyết từ Cuva; cát vàng Parwan sáu trăm sáu mươi talent^[9] một năm; gỗ hồng sắc, gỗ mun, gỗ đàn hương từ nước Ophir; những tấm thảm

Assyria và Kalah sặc sỡ với những hình thù khác thường - quà của vua Tiglath-Pileazar; những bức khảm tinh xảo từ Nineveh, Nimrud và Sargon; những súc vải hoa kì lạ từ Hatuara; những chiếc bình đúc bằng vàng xứ Tyre; từ Sidon có kính màu; còn từ Punta ở cạnh eo biển Bab el Mandeb có các loại hương liệu quý - hiệt thảo, lô hội, kị phù lam, long diên hương, xạ hương; để chiếm được những thứ này các vua chúa Ai Cập đã không chỉ một lần gây nên những cuộc chiến tranh đẫm máu.

Vào thời vua Solomon, bạc thỏi chẳng khác gì những viên sỏi bình thường, còn gỗ hồng sắc không đắt hơn những cây sung mọc ở các vùng đất thấp.

Nhà vua sai dẫn nước từ các mạch khe núi đổ xuống con suối Kidron về, xây các nhà tắm tường ốp tràng thạch, các bể bơi bằng cẩm thạch và các vòi phun lạnh, còn xung quanh cung điện cho trồng nhiều khu vườn và cánh rừng nhỏ cùng một vườn nho ở Baal Gamon. your text here

Vua Solomon có bốn chục nghìn ngựa chuồng la và ngựa kéo xe, mười hai nghìn ngựa chiến; lúa đại mạch và rơm khô dùng để nuôi ngựa được chở từ các tỉnh về hàng ngày. Mười con bò thiến đã được vỗ béo và hai mươi con bắt từ bãi chăn về, ba mươi cor^[10] bột mì hảo hạng và sáu mươi cor các loại bột khác, một trăm bát^[11] rượu vang đủ loại, ba trăm con cừu, không tính các loại gà, chim béo, hươu nai, linh dương, sơn dương - tất cả những cái đó qua tay mười hai người quản lí hàng ngày được cung cấp cho bàn ăn của vua Solomon, cũng như cho bàn ăn của các triều thần, tùy giá và quân cấm vệ của ngài. Sáu mươi vệ sĩ, trong số năm trăm lính khỏe mạnh và can đảm nhất toàn quân, suốt ngày đêm thay nhau canh gác nội cung của nhà vua. Solomon ra lệnh làm năm trăm chiếc khiên bọc vàng cho các vệ sĩ hộ giá của mình.

II

Tất cả những gì đôi mắt vua Solomon muốn được trông thấy ngài đều làm cho chúng thỏa mãn ngay, ngài không cấm trái tim mình bất cứ một niềm lạc thú nào. Nhà vua có bảy trăm cung phi và ba trăm thể nữ, đó là chưa kể nô lệ và vũ nữ. Vua Solomon làm cho tất cả họ phải say đắm bởi tình yêu của mình, vì Đức Chúa Trời đã phú cho ngài một sức đam mê không bao giờ cạn mà những người bình thường không có được. Ngài yêu những người đàn bà xứ Hittite da mặt trắng, mắt đen, môi đỏ vì sắc đẹp lộng lẫy nhưng thoáng qua, cái sắc đẹp nảy nở thật sớm, thật rực rỡ nhưng cũng thật chóng tàn như bông thủy tiên; ngài yêu những phụ nữ Philistin nồng nàn, da ngăm đen, dáng người cao thon thả, với những mái tóc quăn cứng, cổ tay đeo vòng vàng kêu lanh canh, những chiếc đai trên vai và những vòng lớn trên cả hai mắt cá chân được nối với nhau bằng một sợi xích mỏng; ngài yêu những cô gái Amory dịu dàng, nhỏ nhắn, mềm mại có thân hình không chệ vào đâu được - sự thủy chung và ngoan chịu trong tình yêu của họ đã đi vào các câu tục ngữ; ngài yêu những người đàn bà xứ Assyria dùng son kẻ cho mắt mình dài ra và vẽ những ngôi sao xanh trên trán và trên má; ngài yêu những người con gái Sidon hát hay, múa giỏi, biết chơi thụ cầm, đàn luyt và thổi sáo trong tiếng đệm của trống lục lạc; ngài yêu những phụ nữ Ai Cập da vàng không biết mệt trong tình ái và điên dại trong cơn ghen tuông; ngài yêu những cô nàng Babylon đam mê dâm dục, toàn bộ thân thể dưới làn áo xiêm của họ cứ trơn nhẵn vì họ dùng một thứ thuốc xoa diệt hết lông; ngài yêu những cô gái Bactria nhuộm tóc, móng tay, móng chân đỏ như lửa và mặc quần rộng ống; yêu những mỹ nhân Moab e lệ ít lời với bộ ngực lộng lẫy mát lạnh cả vào những đêm hè nóng bỏng nhất; yêu những tiểu thư Ammon vô tâm và hoang phí với mái tóc đỏ rực và làn da trắng đến mức phát sáng trong bóng tối; yêu những người đàn bà mảnh mai mắt xanh, tóc mềm như lan và mùi da thơm dịu, họ được đưa về đây từ phương Bắc qua thành phố Baalbek, tiếng của họ tất cả những người sống ở Palestin

không có một ai biết. Ngoài ra, nhà vua còn yêu rất nhiều, rất nhiều người con gái xứ Judea và Israel.

Ngài cũng còn chung chăn gối với cả Balkis Macheda, nữ vương xứ Sheba - nàng hơn hẳn tất cả mọi người đàn bà trên thế giới về sắc đẹp, trí thông minh, sự giàu sang và nghệ thuật mê đắm dục tình; ngài cũng đã từng chung sống với nàng Abisag xứ Sunam^[12], người đã sưởi ấm tuổi già của vua David; vì người con gái đẹp lạng lẽ và dịu dàng này mà Solomon đã bắt Adonias, anh cả của mình, phải chết bởi bàn tay Vanya, con trai của Jehoiada.

Và cả người con gái nghèo con nhà trồng nho tên là Sulamif, người duy nhất trong tất cả những người đàn bà được nhà vua yêu bằng toàn bộ trái tim mình.

Kiệu ngự của vua Solomon làm bằng gỗ bá hương thượng hạng, thân trụ bằng bạc, tay nâng bằng vàng chạm hình sư tử phục, màn thêu bằng chỉ điều. Toàn bộ mặt trong của màn dát vàng và các loại ngọc quý - những món quà tình ái của các phu nhân và tiểu thư thành Jerusalem. Khi những người nô lệ da đen cao lớn khiêng kiệu Solomon đi giữa đám dân chúng vào những ngày lễ hội, trông nhà vua quả thật khôi hùng mỹ tú hết như một bông bách hợp trong thung lũng Sharon.

Làn da mặt ngài trắng mịn, cặp môi như dải lụa điều, mái tóc gợn sóng đen nhánh, trong đó những sợi trắng - vật trang sức của sự thông tuệ - ánh lên lấp lánh như những con suối rừng đổ xuống từ độ cao của ngọn núi đá Aeron đen thẫm; những sợi bạc ánh lên cả trong bộ râu đen của ngài, bộ râu, theo tục lệ của những ông vua xứ Assyria, được uốn quăn thành từng vòng nhỏ.

Đôi mắt của nhà vua đen như viên ngọc mã não đen nhất, như bầu trời đêm hè không trăng sao; còn lông mi như những mũi tên chĩa lên trên và xuống dưới, giống những tia sáng đen xung quanh hai ngôi sao đen. Và khắp thế gian này không có một người nào chịu đựng nổi cái nhìn của vua Solomon

mà không phải cụp mắt mình xuống. Những tia chớp giận dữ trong mắt nhà vua đánh gục cả những con người ngang tàng nhất.

Nhưng thường có phút giây vui vẻ chân thành, khi nhà vua ngây ngất bởi ái tình, bởi rượu vang, hay bởi sự ngọt ngào của quyền lực, hoặc ngài vui mừng gặp một lời thông minh đẹp đẽ được nói đúng chỗ, đúng lúc. Những khi đó hàng mi dài của ngài nhẹ nhàng khép lại một nửa, buông những vệt bóng xanh mờ lên gương mặt minh tuệ của ngài, và trong cặp mắt nhà vua cháy lên những ánh lửa ấm áp, như những tia sáng lấp lánh trong hai viên ngọc đen, của một nụ cười âu yếm dịu dàng; và bất kì ai trông thấy nụ cười ấy đều sẵn sàng vì nó mà hiến dâng cả tâm hồn lẫn thể xác - một nụ cười tuyệt vời không bút nào tả nổi. Chỉ một tên vua Solomon được nhắc đến cũng đã làm cho mọi trái tim đàn bà xao xuyến, chẳng khác gì mùi dầu chương nào vẫn vương nhắc nhớ về những đêm ái ân huyền diệu.

Đôi tay nhà vua trắng mịn, dịu dàng, ấm áp và đẹp như tay phụ nữ, nhưng chúng có một sinh lực dư thừa đến mức nếu ngài đặt bàn tay mình lên đầu người bệnh, nhà vua có thể chữa được chứng đau đầu, động kinh, u sầu, rồ dại. Trên ngón trỏ tay trái của mình, Solomon đeo chiếc nhẫn khắc bằng thứ tinh ngọc đỏ như máu phát ra sáu tia sáng màu quỳnh châu. Chiếc nhẫn này đã có từ bao thế kỉ nay, trên mặt trái của nó khắc một dòng chữ bằng tiếng của một dân tộc đã biến mất: “Tất cả đều qua khỏi”.

Uy lực tinh thần của vua Solomon mạnh đến nỗi cả muôn loài thú vật cũng phải tuân phục ngài: những con sư tử và hổ báo bò rạp dưới chân ngài, cọ mõm vào đầu gối ngài, thè những chiếc lưỡi thô nhám liếm bàn tay ngài mỗi khi ngài bước vào chuồng của chúng. Là người tìm thấy niềm vui của trái tim mình trong ánh lấp lánh đổi màu của những viên ngọc quý, trong mùi hương của các loại dầu thơm Ai Cập, trong tiếng nhạc du dương ngọt ngào, trong vị tinh khiết của thứ rượu vang sóng sánh đựng đầy chén ngọc Ninuan, ngài cũng rất thích vuốt ve những tấm bờm cổ sư tử dữ tợn, những sợi lưng báo đen mượt như nhung, những bàn chân mềm mại của lũ beo gấm non, thích nghe tiếng gầm rú của những loài mãnh thú, thích nhìn

những động tác vờn múa mạnh mẽ tuyệt vời và thích ngửi hơi thở nóng hôi húng dữ của chúng.

Nhà sử học đương thời Josaphat, con trai của Ahilud, đã ghi chép về vua Solomon như vậy.

III

“Bởi vì người đã không cầu xin cho mình sự sống lâu, không cầu xin cho mình sự giàu có, không cầu xin cho mình mạng sống của những kẻ thù nghịch người, mà chỉ cầu xin sự thông thái để biết xét đoán, thì đây, ta làm theo lời người. Ta ban cho người tấm lòng khôn ngoan và thông tuệ, đến nỗi trước người chẳng ai bằng, và sau người cũng không có ai ngang”.

Đức Chúa Trời đã nói với Solomon như vậy; và theo lời Ngài, nhà vua đã nhận thức được sự tạo thành thế giới và bước vận hành của tự nhiên, thấu hiểu sự khởi đầu, kết thúc và khoảng giữa của thời gian, nắm bắt được bí mật của quá trình chuyển hồi vĩnh cửu như sóng và theo vòng tròn của các sự kiện. Ở các nhà thiên văn Byblos, Acre, Sargon, Borsippa và Nineveh, ngài học cách theo dõi sự thay đổi vị trí của các vì tinh tú và của các vòng quay năm tháng. Ngài cũng nắm được bản chất của tất cả các loài sống và đoán biết tính nết những con thú dữ, hiểu nguồn gốc và hướng đi của gió, những đặc tính khác nhau của các loại thảo mộc, tác dụng của những cây thuốc chữa bệnh.

Những suy tính của lòng người là một vực sâu khôn dò, nhưng nhà vua anh minh cũng biết cách tri nhận chúng. Qua ngôn từ và giọng nói, qua ánh mắt và cử chỉ, ngài có thể đọc được những bí mật sâu kín nhất của tâm hồn người khác rõ ràng như đọc những dòng chữ trên trang sách để mở. Vì vậy, từ khắp nơi của xứ Palestin người đông không kể xiết kéo đến yết kiến để xin ngài phán xét, khuyên bảo, giúp đỡ, phân xử các cuộc tranh cãi cũng như để cầu ngài đoán giải những giấc mơ và những điềm báo bí ẩn. Và mọi người kinh ngạc trước những câu trả lời sâu sắc và thông minh của vua Solomon.

Vua Solomon đã sáng tác ba nghìn bài ngụ ngôn và một nghìn lẻ năm khúc ca. Ngài đọc cho hai người thư lại viết nhanh, chữ đẹp của mình là Elihofer và Ahijah, con trai của Shisha, ghi, rồi đối chiếu, so sánh các bản chép của

hai người với nhau. Bao giờ ngài cũng diễn đạt những ý nghĩ của mình bằng lời văn trang nhã, bởi vì một lời được nói ra khéo léo, tinh tế cũng giống như quả táo vàng đặt trong chén ngọc trong suốt, và cũng còn bởi vì những lời nói của các nhà thông thái phải sắc nhọn như mũi kim, chắc như đinh đóng cột, và những người nói ra chúng đều có chung một pháp sư. “Lời nói là tia lửa trong sự vận động của tâm hồn” - nhà vua đã nói như vậy. Sự thông thái của vua Solomon vượt lên trên sự mẫn tiệp của tất cả những bậc hiền triết phương Đông và toàn bộ sự khôn ngoan của những người Ai Cập. Ngài thông thái hơn cả Ethan Ezrahite, cả Eman, cả Hilkoly và Dodro con trai của Mahola. Nhưng ngài đã bắt đầu cảm thấy buồn chán với vẻ đẹp trong sự thông thái của con người trần tục, và ngài không còn đánh giá nó cao như trước nữa. Trí tuệ hiếu kỳ và không biết mệt của ngài khao khát sự thông thái tuyệt đẳng mà Đức Chúa Trời đã có trên con đường của mình từ rất lâu, trước khi Ngài làm ra tất cả các tạo vật trên thế gian, từ khởi thủy, trước cả khai thiên lập địa, - chính sự thông thái đã đóng vai người nghệ sĩ vĩ đại giúp Đức Chúa Trời khi Ngài vạch định một đường tròn giữa khoảng thái không. Nhưng vua Solomon đã không tìm thấy sự thông thái đó.

Nhà vua nghiên cứu lí thuyết của các pháp sư Chaldea và Nineveh, khoa học của các nhà chiêm tinh Abydos, Sais và Memphis, những bí quyết của các thầy tướng, đạo sĩ phương Đông, các pháp sư Assyria, các bậc tiên tri Bactria và Persepolis, và ngài hiểu ra rằng kiến thức của họ cũng chỉ là kiến thức của loài người thế tục.

Ngoài ra, ngài còn tìm kiếm sự thông thái trong những nghi lễ thần bí của các đa thần giáo cổ đại, vì vậy ngài thường ngự giá đến các đền miếu của họ và dâng lễ vật lên cho thần Baan Libanon hùng mạnh, mà ở Tyre và Sidon được thờ cúng dưới cái tên Milk-Qart, vị thần của sự tạo dựng và tàn phá, thần bảo hộ nghề hàng hải, còn ở ốc đảo Siva lại mang tên là thần Ammon, ở đó các bức tượng của thần này gập đầu chỉ đường cho các đám rước lễ, người Chaldea gọi là Ben, người Canaan gọi là Moloch; ngài cũng

tế lễ cả vợ của thần - nàng Astarte dữ tợn và đa dâm mà ở các đền thờ khác có tên là Ishtar, Isaar, Vaaltis, Usher, Istar-Berytos và Atargatis. Ngài cũng xông hương và cúng dầu cho các thần Ai Cập Isis và Osiris, hai anh em đã hợp hôn với nhau ngay từ trong bụng mẹ và ở đó thai nghén nên thần Horus; ngài cúng cả cho nữ thần Derketo mình cá của xứ Tyre; ngài cúng cho cả thần Anubis đầu chó chuyên nghề ướp xác, thần Oannu xứ Babylon, thần Dagon của người Philistin, thần Abednego của người Assyria, thần Utsabu xứ Nineveh, nữ thần Cybele hắc ám, thần Bel-Merodohu bảo hộ thành Babylon, thần Jupite, thần lửa vĩnh hằng Ouro xứ Chaldea, nữ thần Omoroga huyền bí, mẹ của các vị thần, mà thần Bel chặt ra làm hai nửa để tạo thành trời và đất, lấy đầu để làm ra người; nhà vua còn dâng lễ cả nữ thần Atanais, - các cô gái xứ Phoenicia, Lydia, Armenia và Ba Tư hiến thân cho những người qua đường tại ngưỡng cửa của các đền thờ như một vật tế lễ thiêng liêng dâng lên nữ thần này.

Nhưng nhà vua không tìm được gì trong những nghi lễ đa thần giáo ngoài những cuộc trác táng say sưa, những đêm hoan lạc, những trò đồi bại, loạn luân và những ham muốn trái tự nhiên, và trong các giáo thuyết của họ, ngài chỉ thấy toàn những lời lẽ rỗng tuếch, dối trá. Nhưng ngài không hề cấm thần dân của mình thờ cúng các vị thần mà họ yêu quý, thậm chí ngài còn xây trên đồi Ôliu một ngôi đền cho thần Chemosh, một quái vật gớm ghiếc của dân Moab, theo lời cầu xin của nàng Ellaan thùy mị và xinh đẹp, một phụ nữ người Moab lúc đó đang được nhà vua sủng ái.

Chỉ có một điều vua Solomon không chịu đựng được và ngài thường trị tội tử hình nếu ai phạm phải, - đó là việc giết trẻ em để tế lễ.

Qua những suy ngẫm, chiêm nghiệm của mình, nhà vua thấy rằng số phận con người và số phận của loài vật đều là một: ai rồi cũng phải chết; rằng hơi thở của muôn vật đều như nhau, và con người không có một cái gì vượt trội hơn loài thú. Nhà vua còn hiểu rằng càng biết nhiều thì lại càng lắm ưu phiền, và ai làm dư tăng kiến thức thì người đó cũng làm dư tăng đau khổ. Ngài giác ngộ rằng tiếng cười nhiều khi làm cho trái tim nhức buốt, và sau

niềm vui sẽ đến nỗi buồn. Vào một buổi sáng nọ ngài lần đầu tiên đọc cho Elihofer và Ahijah chép:

- Người truyền đạo nói: “Tất cả đều là hư không và lao khổ tâm hồn”^[13].

Nhưng lúc đó nhà vua còn chưa biết rằng chỉ ít lâu sau Đức Chúa Trời sẽ ban tặng cho ngài một mối tình dịu dàng, cháy bỏng, thủy chung và đẹp tuyệt vời, một mối tình quý giá hơn mọi sự giàu sang, vinh quang và thông thái, quý hơn chính bản thân cuộc sống, bởi vì nó sẵn sàng hi sinh cả cuộc sống và khinh thường cái chết.

IV

Nhà vua có một vườn nho ở Baal Gamon, trên sườn phía Nam dãy núi Vatner El Hawa, quá phía Tây ngôi đền thờ thần Moloch; nhà vua thường thích ẩn lánh đến đây trong những giờ suy ngẫm sâu sắc. Những cây lựu, ôliu, táo dại chen lẫn những hàng bá hương và trắc bá diệp bao quanh vườn theo ba hướng núi, còn ở hướng thứ tư vườn nho được ngăn cách với đường cái bởi một bức tường đá xây cao. Cả những vườn nho ở xung quanh đó cũng thuộc về vua Solomon; ngài cho những người canh vườn thuê với giá một nghìn đồng bạc mỗi khu vườn.

Bữa tiệc thịnh soạn trong cung điện của nhà vua Israel thất đãi các sứ thần của Tiglath-Pileazar quang vinh, vua xứ Assyria, mãi đến tận sáng mới tàn. Mặc dù mệt mỏi, nhưng vua Solomon không thể nào ngủ được vào sớm hôm đó. Cả rượu vang lẫn tất cả các thứ rượu khác đều không thể làm mờ đi những bộ óc rất tinh táo của các sứ thần Assyria và không khiến họ khua những cái lưỡi khôn ngoan của mình. Nhưng trí tuệ sắc sảo của nhà vua thông thái đã nắm bắt được những mưu đồ, những kế hoạch của họ, và về phần mình, ngài đã dệt nên một mạng lưới chính trị tinh tế mà ngài sẽ vây trói những con người quan trọng, bệ vệ với những cặp mắt ngạo mạn và lời nói ngọt xớt kia. Vua Solomon đủ khả năng giữ được mối quan hệ thân thiện cần thiết với người cai trị xứ Assyria và đồng thời, vì tình hữu hảo lâu đời với Hiram vua nước Tyre, ngài sẽ cứu vương quốc của ông ta cùng vô số những của cải cất giấu trong các hầm kín dưới những đường phố hẹp với những ngôi nhà chật chội đã từ lâu bị những con mắt tham lam của các chúa tể phương Đông dòm ngó.

Và thế là vào lúc bình minh vừa ửng, vua Solomon hạ lệnh khởi giá đến núi Vatner El Hawa; để kiệu lại rất xa đường cái, giờ đây ngài một mình ngồi trên chiếc ghế dài bằng gỗ mộc phía trên vườn nho dưới những cây cổ thụ còn giữ lại trong các cành lá hơi mát lạnh đêm sương đêm. Nhà vua mặc

một chiếc áo khoác ngoài giản dị màu trắng được cài ở vai phải và sườn trái bằng hai chiếc móc khóa bằng vàng xanh hình cá sấu cuộn tròn - biểu tượng của thần Sebac^[14]. Đôi bàn tay của nhà vua đặt bất động trên đầu gối, còn cặp mắt ẩn chứa những ý nghĩ sâu xa thì không chớp, nhìn mãi về phía Đông, hướng Biển Chết, nơi vàng thái dương tỏa ánh hồng rực rỡ đang hiện dần lên sau đỉnh núi Anazi tròn trịa.

Ngọn gió sớm từ đằng Đông thổi tới mang theo mùi hương của vườn nho tươi tốt - phảng phất mùi mộc tê thảo và mùi rượu vang đang chưng cất. Hàng cây trắc bách diệp tối thẫm lắc lư một cách oai vệ những ngọn cây nhọn hoắt và phả ra hơi thở đầm mùi dầu nhựa. Đám ôliu lấp loáng bạc xạc xào như đang vội vã nói với nhau một điều gì đó.

Nhưng kìa, vua Solomon đã đứng dậy và lắng tai nghe. Một giọng thiếu nữ dễ thương, mượt mà, trong trẻo như chính buổi bình minh sương đọng này đang hát ở đâu đây không xa, phía sau hàng cây. Một điệu nhạc giản dị và dịu dàng tuôn chảy tự nhiên như con suối róc rách trên núi cao, lặp đi lặp lại chỉ năm sáu nốt nhạc. Nét duyên dáng mộc mạc của điệu hát làm ánh lên trong mắt nhà vua một nụ cười âu yếm lặng thầm.

Tiếng hát nghe mỗi lúc một gần hơn. Nó đã ở ngay bên cạnh, đằng sau những cây bá hương cành tỏa rộng, phía bên kia dãy tùng cối xanh rờn. Nhà vua liền thận trọng đưa tay rẽ cành lá, nhẹ nhàng lách qua những bụi cây gai nhọn và bước ra chỗ trống.

Trước mặt ngài, phía bên kia bức tường thấp được xây cấu thả bằng những tảng đá lớn màu vàng, là khu vườn nho trải rộng trên sườn núi. Một cô gái mặc tấm áo váy nhẹ bằng vải xanh da trời đi lại giữa các luống nho, cúi xuống làm một cái gì đó rồi lại vươn thẳng người lên, và hát. Mái tóc vàng hung của nàng cháy rực dưới ánh nắng mai.

Kìa bình minh đã ửng hồng êm ái

Xua bóng đêm lặng lẽ tan dần

Về nhanh lên, hỡi người em mong mãi

Chàng trẻ trung như một chú nai rừng.

Chàng nhanh nhẹn như hươu tơ trên núi.

Nàng vừa hát như vậy, vừa buộc gọn những cành nho, men theo dốc núi mỗi lúc một xuống thấp dần, mỗi lúc một gần hơn, gần hơn bức tường đá nơi vua Solomon đang đứng phía sau. Chỉ một mình nàng - không ai trông thấy và nghe thấy nàng; mùi hương của vườn nho đang nở hoa, khí trời mát mẻ hân hoan của buổi sáng mai và dòng máu nóng trong trái tim làm nàng ngây ngất, và những lời của bài ca ngây thơ chất phác tức khắc sinh ra trên môi cô gái được gió mang đi và bị lãng quên vĩnh viễn:

Hãy bắt dùm em cáo con cáo mẹ,

Chúng phá hư hết cả vườn nho

Vườn nho em đang mùa hoa rộ nở.

Cứ thế nàng đi đến sát bức tường đá; và, không trông thấy nhà vua, nàng quay trở lại, nhẹ nhàng đi ngược lên dốc núi, dọc theo luống nho bên cạnh. Bây giờ tiếng hát vang lên mỗi lúc một xa dần:

Người thương ơi, hãy đến với em mau,

Hãy nhanh nhẹn như hươu tơ đồng nội,

Như con nai trên núi cỏ thơm. ^[15]

Nhưng nàng bỗng ngừng bật và cúi xuống sát đất, khuất hẳn sau những luống nho.

Liền đó vua Solomon cất tiếng nói bằng một giọng thật dịu dàng và êm tai:

- Này nàng thiếu nữ ơi, hãy cho ta được xem khuôn mặt của nàng, hãy cho ta được nghe giọng nói của nàng.

Cô gái nhanh nhẹn đứng thẳng người lên và quay mặt về phía nhà vua. Một ngọn gió mạnh đúng khoảnh khắc đó chợt nổi lên, thổi bay tung chiếc áo váy mỏng trên người nàng rồi bất ngờ dán sát nó vào xung quanh thân hình và giữa đôi chân nàng. Nhà vua trong một thoáng, khi nàng chưa kịp quay lưng lại hướng gió, đã nhìn thấy rõ mồn một toàn bộ cơ thể nàng dưới làn áo mỏng, hệt như nàng đang khóa thân đứng trước ngài: vóc dáng cao và cân đối, đang độ mơn mớn của tuổi dậy thì; cặp vú nhỏ xinh tròn trịa và rắn chắc với đôi nhũ hoa nhô cao, khiến lớp vải từ đỉnh vú chảy tỏa ra bốn phía như những tia sáng; vòng bụng trinh nữ tròn vành vạnh như lòng đĩa; một đường kẻ sâu chia đôi chân nàng từ dưới lên trên rồi phân thành hai ngã ôm quanh cặp đùi nở nang.

- Giọng nói của nàng thật ngọt ngào và gương mặt nàng thật đáng yêu! -
Vua Solomon nói.

Nàng bước đến gần hơn và nhìn nhà vua với một nỗi rạo rức và khâm phục trong lòng. Gương mặt rạng rỡ và ngăm ngăm đen của nàng xinh đẹp đến nỗi không bút nào tả nổi. Mái tóc dày trĩu nặng màu vàng thẫm cài hai bông hoa anh túc đỏ thắm buông xõa trên đôi vai nàng vô số những vòng quấn mềm mại rồi chảy tràn xuống lưng, cháy lên dưới những tia nắng mặt trời như một dòng huyết dụ vàng rục. Chuỗi hạt cườm tự kết bằng một thứ quả khô màu đỏ ôm hai vòng quanh chiếc cổ ngăm ngăm cao mảnh mai một cách ngây thơ và cảm động.

- Em đã không trông thấy chàng! - Cô gái cất tiếng dịu dàng, giọng nàng vang lên như tiếng sáo du dương. - Chàng từ đâu đến vậy?

- Nàng hát mới tuyệt vời làm sao, ôi tiểu thư!

Cô gái thẹn thùng cụp đôi mắt xuống, khuôn mặt chợt ửng hồng, nhưng dưới cặp mi dài và trên khóe môi lại run rẩy một nụ cười kín đáo.

- Nàng hát về người thương của mình. Chàng nhanh nhẹn như con nai rừng, như hươu tơ trên núi. Chắc người thương của nàng rất khôi ngô tuấn tú,

phải không thưa thiếu nữ?

Nàng cười trong trẻo và giòn tan, tiếng cười của nàng chẳng khác gì những hạt mưa bạc rơi nhanh xuống mặt đĩa vàng.

- Em không có người thương. Đây chỉ là bài hát thôi mà. Em hãy còn chưa có người thương...

Hai người im lặng chừng một phút và không cười, nhìn sâu thẳm vào mắt nhau... Đàn chim gọi bầy ríu rít trên cây. Ngực cô gái phập phồng gấp gáp dưới làn vải mỏng.

- Ta chẳng tin lời nàng đâu, người ngọc ạ. Nàng xinh đẹp nhường kia...

- Chàng giễu em đấy thôi. Chàng trông xem, da em đen thế này mà...

Cô gái giơ đôi bàn tay nhỏ nhắn ngăm ngăm đen lên cao, và đôi ống tay áo rộng nhẹ nhàng trượt xuống vai, để lộ hai cánh tay trần trụi nữ tròn trịa và thanh nhã tuyệt vời.

Và nàng buồn rầu nói:

- Các anh trai em giận em, bắt em ra đây trông vườn nho, và chàng xem, em bị mặt trời thiêu đen như thế này đây!

- Ô không, mặt trời chỉ làm nàng thêm xinh đẹp hơn, hỡi người thiếu nữ kiêu lệ nhất trên đời! Kìa miệng nàng cười, hai hàm răng nàng như cặp chiên non sinh đôi trắng muốt vừa tắm chải xong, không một chút tì vết. Đôi má nàng như hai nửa quả lựu dưới mái tóc quăn dày. Cặp môi nàng đỏ thắm - được nhìn chúng biết bao khoái lạc... Còn tóc nàng... Nàng có biết mái tóc nàng giống gì không? Nàng đã bao giờ thấy vào các buổi chiều đàn cừu từ dãy núi Gilead xuống chưa? Chúng chen chúc kín núi từ trên đỉnh đến tận chân đồi, trong ánh hoàng hôn, lông nhuộm đầy bụi, trông chúng cũng vàng rực và cũng gợn giống hệt như mái tóc nàng. Đôi mắt nàng sâu thẳm, như hai đáy hồ Hesbon ngoài cửa ô Batrabbima. Ôi, nàng xinh đẹp biết bao! Cổ nàng thẳng và thanh nhã như ngọn tháp David.

- Như ngọn tháp David! - Cô gái ngậy ngất nhắc lại.

- Đúng, đúng thế, hỡi người thiếu nữ đẹp nhất trần gian! Một ngàn chiếc khiên treo trên tháp David, và tất cả đều là khiên của những anh hùng chiến bại. Và đây, ta treo chiếc khiên của ta lên ngọn tháp này.

- Ô, chàng hãy nói, hãy nói nữa đi...

- Và khi nghe tiếng ta gọi nàng quay lại, một cơn gió mạnh nổi lên, ta trông thấy dưới làn áo bộ ngực nàng, và ta nghĩ: đó là hai con mang nhỏ thả chần giữa đám hoa huệ trắng. Vóc hình nàng giống như cây cọ thẳng, và cặp vú nàng hệt hai chùm nho mọng.

Cô gái kêu thốt lên một tiếng yếu ớt, đưa hai bàn tay lên ôm má, khép đôi cùi tay lại che ngực, và nàng đỏ mặt, đến nỗi cả cổ và tai nàng cũng nhuộm màu huyết dụ.

- Ta cũng thấy cặp đùi nàng, chúng như hai chiếc bình quý được chuốt gọt bởi bàn tay của một nghệ nhân tuyệt kỹ. Hãy bỏ tay xuống đi, ôi thiếu nữ. Hãy cho ta được trông thấy gương mặt nàng.

Cô gái ngoan ngoãn buông tay xuống. Một luồng quang ba vàng óng tuôn ra từ đôi mắt của vua Solomon khiến nàng ngậy ngất đê mê, đầu óc nàng quay cuồng, một cơn run rẩy ngọt ngào và ấm áp chảy tràn khắp người nàng.

- Chàng hãy nói cho em biết, chàng là ai? - Cô gái sững sờ hỏi. - Chưa bao giờ em thấy một người như chàng.

- Ta là người chăn cừu, ôi người đẹp của ta. Ta chăn coi những đàn cừu trắng trên núi cao, nơi bãi cỏ xanh mướt đầy những bông thủy tiên. Nàng có đi đến bãi chăn của ta với ta không?

Nhưng cô gái khe khẽ lắc đầu:

- Chẳng lẽ chàng nghĩ em sẽ tin lời chàng ư? Khuôn mặt chàng không bị gió gội, nắng thiêu, và hai bàn tay chàng trắng mịn. Tấm áo choàng chàng đang mặc rất quý, chỉ một chiếc khuy móc trên đó cũng đã đáng giá bằng toàn bộ tiền tô một năm của khu vườn nho này mà các anh trai của em phải nộp cho Adonramu người thu thuế của nhà vua. Chàng đến đây từ phía bên kia bức tường... Có phải chàng là một trong những người gần gũi của nhà vua? Hình như đã có lần em trông thấy chàng trong ngày đại lễ, thậm chí em còn nhớ em đã chạy theo xe chàng...

- Nàng đã đoán đúng, ôi thiếu nữ. Thật khó mà giấu được nàng. Quả vậy, nàng lang thang cạnh đàn cừu chặn thả để làm gì kia chứ? Đúng, ta là một người trong đoàn tùy giá của nhà vua, ta là quan đầu bếp chính trong cung. Và nàng đã trông thấy ta khi ta đi trên cỗ xe Amminadab^[16] trong ngày lễ Vượt qua^[17]. Nhưng sao nàng lại đứng cách xa ta thế? Hãy lại gần đây, hỏi em gái của ta! Hãy ngồi lên tảng đá của bức tường này và kể cho ta nghe một điều gì đó. Hãy nói cho ta biết tên nàng là gì?

- Tên em là Sulamif, - nàng đáp.

- Ôi, Sulamif, tại sao các anh nàng lại giận nàng?

- Nói về chuyện đó em xấu hổ lắm. Các anh em trao cho em tiền bán rượu vang và sai em vào thành phố mua bánh mì cùng phó mát dê. Thế mà em...

- Nàng đã đánh mất tiền sao?

- Không, còn tồi tệ hơn thế...

Nàng cúi đầu xuống thấp và thì thầm:

- Ngoài bánh mì và phó mát, em còn mua cho mình một chút, chỉ một chút xíu thôi, dầu hoa hồng của những người Ai Cập trong thành cổ.

- Và nàng giấu các anh nàng việc đó?

Cô gái thì thầm khẽ như gió thoảng:

- Vâng...

- Mùi dầu hoa hồng thơm đến vậy.

Nhà vua âu yếm vuốt ve bàn tay cứng nhám và nhỏ nhắn của nàng:

- Một mình nàng làm trong vườn nho chắc phải là buồn lắm?

- Ồ không. Em làm việc và em hát... Trưa mọi người mang bữa đến cho em ăn, còn chiều thì một anh trai đến thay em. Đôi khi em tìm đào củ nhân sâm giống như những con người bé tí xíu... Các lái buôn người Chaldea mua chúng. Nghe nói là để họ chế thuốc ngủ... Chàng nói đi, có phải quả nhân sâm giúp người ta trong tình yêu không ạ?

- Không phải đâu, Sulamif, giúp tình yêu chỉ có thể là tình yêu thôi. Nàng nói ta nghe, nàng còn bố mẹ không?

- Em chỉ còn mẹ thôi. Bố em đã mất hai năm về trước. Các anh của em đều là khác mẹ, cùng mẹ chỉ có em và em gái của em thôi.

- Thế em gái của nàng có xinh đẹp như nàng không?

- Em gái em còn bé. Nó chỉ mới vừa chín tuổi.

Nhà vua cười, khẽ khàng ôm lấy ngang lưng Sulamif, kéo nàng lại gần và nói vào tai nàng:

- Chín tuổi. Nghĩa là em gái nàng chưa có bộ ngực như của nàng phải không? Ôi bộ ngực kiêu hãnh, bộ ngực cháy bỏng đến nhường kia!

Sulamif im lặng không nói nên lời, cả người nóng bừng vì thẹn thùng và hạnh phúc. Cặp mắt nàng vụt sáng lên long lanh, rồi lịm tắt, mờ đi trong nụ cười ngây ngất. Dưới bàn tay mình, nhà vua nghe nhịp trái tim nàng đập dồn, rạo rức.

- Hơi ấm áo nàng tỏa ra thơm hơn mùi trầm hương, nồng hơn mùi hiệt thảo,
- nhà vua nói, nồng nàn kề đôi môi cháy bỏng vào sát tai nàng. - Và khi

nàng thở, ta nghe mùi thơm từ mũi nàng tỏa ra như hương táo ngọt đầu mùa. Ôi em gái của ta, người yêu dấu của ta, nàng đã cầm tù trái tim ta bằng một ánh nhìn của đôi mắt nàng, bằng một chuỗi ngọc trên làn cổ nàng.

- Ôi, chàng đừng nhìn em! - Sulamif khẩn nài. - Cặp mắt chàng khiến em nôn nao quá.

Nhưng tự mình Sulamif ngả người ra phía sau và đặt mái đầu của mình lên ngực Solomon. Cặp môi nàng đỏ mọng nở ra hé lộ hàm răng ngọc trắng bóng, hàng mi nàng run rẩy trong một niềm khao khát nhức nhối dày vò. Solomon đăm đõi gấn chiếc hôn lên khóe miệng mời gọi của nàng. Nhà vua cảm thấy ngọn lửa bỏng nơi cặp môi nàng, cảm thấy vị trơn mát của hai hàm răng nàng, vị ẩm ướt ngọt ngào của lưỡi nàng, và toàn thân ngài cháy bùng lên một niềm khao khát không nén nổi mà trước đây trong đời nhà vua chưa từng bao giờ biết đến.

Cái hôn kéo dài một rồi hai phút.

- Chàng làm gì với em thế! - Sulamif yếu ớt cất tiếng hỏi, đôi mắt từ từ nhắm lại. - Chàng làm gì với em thế này!

Vua Solomon đăm đõi thì thầm ngay bên cạnh miệng nàng:

- Ôi, mật ngọt trào ra nơi miệng nàng, hơi người yêu của ta, ôi mật ngọt và sữa thơm nằm dưới lưỡi nàng... Ô, hãy mau đến đây với ta. Ở đây, sau bức tường kín đáo và mát mẻ. Sẽ không có ai trông thấy chúng mình. Ở đây có thảm cỏ xanh mềm dưới bóng những cây bá hương râm mát.

- Ôi không, không, hãy buông em ra. Em không muốn, em không thể.

- Sulamif... nàng muốn, nàng muốn mà... Ôi em gái của ta, người yêu của ta, hãy đến đây với ta!

Có tiếng bước chân của ai đó vang lên trên con đường phía dưới, cạnh bức tường bao quanh vườn nho của nhà vua, nhưng Solomon vẫn giữ lấy bàn tay của cô gái đang hoảng hốt.

- Nàng nói mau đi, nhà nàng ở đâu? Đêm nay ta sẽ đến với nàng, - nhà vua hỏi nhanh.

- Không, không, không... em không nói với chàng điều đó đâu. Buông em ra đi, em không nói cho chàng biết đâu.

- Ta sẽ không để cho nàng đi, Sulamif ạ, nếu như nàng chưa nói... Ta muốn nàng!

- Thôi được rồi, em sẽ nói... Nhưng trước tiên chàng hãy hứa với em là chàng sẽ không đến đêm nay... Và chàng cũng không đến vào đêm mai... Và cả đêm tiếp đó nữa... Ôi, hoàng đế của em! Em van chàng bằng những con nai rừng và những con hươu đồng nội, xin chàng khoan động đến người yêu của chàng khi em còn chưa muốn!

- Được, ta xin hứa với nàng điều đó... Nhà của nàng ở đâu, Sulamif?

- Nếu chàng đi vào thành phố qua suối Kidron bằng chiếc cầu ở phía trên Syloam, chàng sẽ nhìn thấy nhà em bên bờ suối. Ở đó không có nhà ai khác.

- Thế cửa sổ của nàng ở đâu, Sulamif?

- Chàng biết điều đó để làm gì, hỡi người yêu của em? Ôi, chàng đừng nhìn em như thế. Ánh mắt của chàng làm em bối rối... Đừng hôn em... Đừng hôn em... Ôi người yêu của em! Hãy hôn em nữa đi...

- Cửa sổ của nàng ở đâu, hỡi bạn tình duy nhất của ta?

- Cửa sổ của em ở hướng Nam. Ôi, em không nên nói cho chàng biết điều đó... Cái ô cửa sổ nhỏ, cao có chấn song...

- Và chấn song đó phải mở từ bên trong?

- Không, nó không mở được. Nhưng phía trong góc tường có cánh cửa lớn. Nó dẫn thẳng vào phòng ngủ của em với em gái em. Nhưng chàng đã hứa

với em rồi!... Em gái của em ngủ tỉnh lắm. Ôi, chàng đẹp tuyệt vời, hơi tình lang của em. Chàng đã hứa với em rồi mà, có phải thế không chàng?

Vua Solomon âu yếm vuốt ve mái tóc và hai má nàng:

- Ta sẽ đến với nàng đêm nay. - Ngài quả quyết nói. - Ta sẽ đến vào lúc nửa đêm. Ta muốn điều đó. Mọi việc như thế, sẽ đúng như thế. Ta muốn điều đó mà.

- Ôi, chàng ơi!

- Không. Nàng sẽ đợi ta. Chỉ có điều nàng đừng sợ và hãy tin ta. Ta sẽ không làm cho nàng phải khổ đâu. Ta sẽ mang lại cho nàng niềm vui mà ở bên nó tất cả mọi thứ trên đời đều trở nên vô nghĩa. Bây giờ tạm chia tay nhé. Ta đã nghe thấy có tiếng người tìm ta.

- Tạm biệt, ôi tình quân của em... Ồ không, chàng khoan đi. Chàng hãy nói cho em nghe tên chàng, em hãy còn chưa kịp biết tên chàng.

Nhà vua cup mi mắt xuống trong một thoáng dường như phân vân, nhưng lại ngay tức khắc ngẩng lên nhìn:

- Ta có cùng tên với nhà vua. Tên ta là Solomon. Tạm biệt. Ta yêu nàng.

V

Vào ngày hôm đó vua Solomon tỏ ra sáng khoái và sáng suốt khác thường khi ngồi trên ngai điện Liban xử kiện cho những người đến kêu án với ngài.

Bốn chục cây cột có đỉnh trụ ở phía trên kết hình hoa bách hợp chia thành bốn dãy chống giữ trần của gian điện dùng làm pháp đình, tất cả đều được bọc bằng gỗ bá hương; sàn điện lót những súc gỗ trắc bách diệp; trên các bức tường cũng không thể nhìn thấy mặt đá vì chúng được ốp bá hương khảm vàng hình những cây cọ, khóm dứa và thiên sứ thượng đẳng. Ở sâu trong gian điện với ba hàng cửa sổ trên các bức tường, một bậc thềm sáu cấp dẫn đến bệ vua, trên mỗi bậc có hai con sư tử bằng đồng đứng mỗi bên một con. Ngai vua làm bằng ngà voi cần vàng, hai tay vịn cũng đúc bằng vàng hình sư tử phục. Lưng tựa ngai cao vút, phía trên là một đĩa tròn. Những tấm màn gấm điều và tím treo từ trần rủ xuống tận sàn ở cửa vào ngăn điện với gian chầu, nơi chen chúc giữa các hàng cột là những người thuộc bên nguyên đến xin xử kiện, những người làm chứng, những kẻ bị cáo, cùng với những tên tội phạm bị canh giữ nghiêm ngặt.

Nhà vua khoác một tấm ngự bào vải điều, trên đầu là vòng vương miện hẹp và giản dị làm bằng mười sáu viên lục ngọc thạch khảm trong khuôn vàng. Bên hữu là chiếc ngai của thái hậu Bathsheba, nhưng trong thời gian gần đây vì cao tuổi nên ít khi bà hạ giá vào thành.

Những vị khách nước Assyria râu đen, vẻ mặt khắc khổ ngồi dọc theo các bức tường trên những chiếc ghế bằng ngọc bích; họ vận quần áo màu ôliu sáng viền những đường diềm đỏ và trắng. Khi còn ở quê nhà Assyria của mình, họ đã nghe đồn rất nhiều về tài phán xét công minh của vua Solomon, nên giờ đây họ cố không bỏ sót một lời nào để về sau còn kể lại chuyện xử án của đức vua Israel cho đồng bào của mình nghe. Ngồi xen vào giữa họ là các võ tướng của vua Solomon, các thượng thư, các quan tỉnh trưởng và triều thần. Ở đây có mặt Vanya, trước đây là đao phủ của nhà vua, đã từng

giết Joab, Adonijah và Semey, còn bây giờ là thống lãnh quân đội, một ông già thấp lùn phì nộn, râu dài bạc trắng; cặp mắt màu xanh nhạt như bạc màu của ông ta, với những quầng mí đỏ quạch như bị lộn trái, có vẻ đờ đẫn già nua; miệng ông ta há hốc, ướt đẫm nước miếng, và vành môi dưới dày thịt đỏ bầm bất lực trể thông; đầu ông ta đã vĩnh viễn cúi gục xuống và run rẩy. Ở đây có cả Azariah, con trai của Nathan, một người cao lớn, cúi kính, với bộ mặt khô quắt bệnh hoạn và những quầng thâm dưới mắt; có cả Ahelar, chỉ huy cấm vệ quân của Solomon; cả nhà sử học Josaphat đấng trí và tốt bụng; cả Zavuf, người mang một danh hiệu cao quý là bạn vua; và Ben-Avinodav, chồng của Tafaria, con gái đầu lòng của Solomon và Ben-Geber, tỉnh trưởng Argov xứ Bashan, cai trị sáu mươi thành có tường cao bao bọc với các cánh cổng bằng đồng; cả Vahan, con trai của Hushai, một thời từng nổi danh với tài ném lao xa ba mươi parasang^[18]; và rất nhiều người khác. Sáu mươi lính cấm vệ khiên giáp khảm vàng sáng lòa đứng thành hàng hai bên tả hữu ngai vua; chỉ huy đội ngự quân cấm vệ hôm nay là chàng trai Eliab khô gò, tóc đen, con trai của Ahilud.

Người đầu tiên đến khấu đầu trước vua Solomon xin ngài xử kiện là Achior, một người làm nghề mài ngọc. Trong thời gian làm việc ở Ben Phoenicia, anh tìm được một hòn ngọc quý, đem mài giữa nó rồi nhờ người bạn là Zacharia tiện đường vào Jerusalem mang về cho vợ của Achior. Ít lâu sau Achior cũng trở về nhà. Điều đầu tiên anh hỏi vợ khi vừa gặp nhau là về hòn ngọc. Nhưng chị vợ hết sức ngạc nhiên trước câu hỏi của chồng và thề rằng mình không nhận được một hòn ngọc nào cả. Ngay lúc đó, Achior đến nhà bạn mình là Zacharia để hỏi cho rõ chuyện; nhưng Zacharia cũng thề thốt rằng ngay sau khi về đến nơi đã trao viên ngọc cho người nhận. Anh ta còn mời đến cả hai người làm chứng, khẳng định rằng họ đã nhìn thấy Zacharia trao viên ngọc cho vợ Achior ngay trước mặt họ.

Và bây giờ cả bốn người - Achior, Zacharia và hai người làm chứng - đang đứng trước ngai vàng của nhà vua xứ Israel.

Solomon lần lượt nhìn kĩ vào mắt từng người rồi nói với lính thị vệ:

- Dẫn họ vào các phòng riêng biệt và giam riêng từng người một.

Khi việc đó đã được thi hành, ngài ra lệnh mang đến bốn cục đất sét ướt.

- Bây giờ để mỗi người nặn lại hình viên ngọc mà họ đã thấy.

Một lúc sau, các hình đã được nặn xong. Nhưng một người làm chứng nặn hòn đất sét của mình thành hình đầu ngựa, là hình vẫn thường gặp của các viên ngọc thời đó; người thứ hai nặn thành hình con cừu; chỉ có Achior và Zacharia là nặn giống nhau - hình bộ ngực phụ nữ.

Và nhà vua liền phán:

- Bây giờ thì đến kẻ mù cũng thấy rõ là những người làm chứng đã bị Zacharia mua chuộc. Vậy thì, Zacharia phải trả viên ngọc lại cho Achior, đồng thời phải trả thêm cho anh ta ba mươi shekel tiền án phí, mười shekel nộp cho đền thờ. Còn hai người làm chứng đã tự lộ trần tội mình thì nộp mỗi người năm shekel vào công quỹ vì đã khai gian.

Tiếp đó tiến đến trước ngai vàng vua Solomon là ba anh em trai kiện nhau về quyền thừa kế tài sản. Trước khi lâm chung, người cha của họ nói với họ: “Để các con khỏi tranh nhau, khi phân tài sản, cha sẽ tự mình chia công bằng cho các con. Sau khi cha chết, các con hãy ra ngọn đồi ở giữa cánh rừng phía sau nhà và đào nó lên. Ở đó, các con sẽ tìm thấy một cái hòm có ba ngăn, các con hãy nhớ rằng ngăn trên dành cho con cả, ngăn giữa dành cho con thứ, còn ngăn dưới là của con út”. Sau khi ông qua đời, ba người con làm đúng như lời cha dặn; họ tìm thấy ngăn trên đựng đầy ắp những đồng tiền vàng, ngăn giữa chỉ có những khúc xương tro tơi, còn ngăn dưới là các mẫu gỗ. Và thế là hai người em đem lòng ganh tị và thù ghét đối với người anh cả, dần dần cuộc sống của họ trở nên không chịu đựng nổi đến mức ba anh em quyết định đến châu vua để xin lời khuyên bảo và phán xét. Ngay ở đây đứng trước ngai vàng, họ cũng không kìm được những lời nhục mạ và trách móc lẫn nhau.

Nhà vua nghe xong, lắc đầu và nói:

- Đừng cãi nhau nữa; đá vốn nặng, cát cũng không kém, những cơn giận của kẻ ngu dần càng nặng nề hơn cả hai thứ đó. Cha các người là một người thông thái và công bằng, ý nguyện của ông được nói trong lời di chúc cũng rõ ràng như điều đó đã diễn ra trước mặt hàng trăm kẻ làm chứng. Chẳng lẽ các người không đoán được hay sao, hồi lũ to mồm bất hạnh, rằng cha các người đã để lại cho con trưởng tất cả tiền bạc, con thứ toàn bộ súc vật và nô lệ, còn con út toàn bộ nhà cửa và ruộng đất. Hãy về nhà đi và đừng có tranh giành thù oán với nhau nữa.

Và cả ba anh em trai - vừa mới đây là kẻ thù của nhau - với những khuôn mặt tươi tỉnh cúi đầu bái lạy nhà vua, dắt tay nhau rời pháp đình ra về.

Rồi nhà vua xử tiếp vụ tranh chấp gia sản bắt đầu từ ba hôm trước. Một người khi hấp hối nói rằng sẽ để lại tài sản của mình cho người nào xứng đáng nhất trong hai đứa con trai của mình. Nhưng vì không ai trong số hai người con chịu nhận mình là thua kém hơn, nên họ đến xin nhà vua phân xử.

Vua Solomon hỏi họ làm nghề gì, và được biết rằng cả hai đều làm nghề săn bắn; ngài nói:

- Các người hãy trở về nhà. Ta sẽ ra lệnh đặt thi hài cha các người bên gốc cây và trước hết thử xem ai trong hai người bắn trúng ngực ông, sau đó ta mới xử.

Giờ đây cả hai anh em đã quay về cùng với viên quan phái đi để chứng kiến sự việc. Solomon hỏi viên quan về diễn biến cuộc thi.

- Tâu bệ hạ, thần đã làm tất cả những gì bệ hạ ra lệnh, - viên quan nói. - Thần đã đặt xác người cha cạnh gốc cây và trao cung tên cho hai anh em. Người anh bắn trước. Cách xa một trăm hai mươi bước, anh ta đã bắn đúng vào nơi trái tim người sống vẫn đập.

- Một phát tên tuyệt vời, - Solomon nói. - Thế còn người em?

- Người em... Tâu bệ hạ, xin bệ hạ tha lỗi, thần đã không thể buộc anh ta thi hành đúng mệnh lệnh của bệ hạ... Người em đã giương cung, đặt tên, nhưng bỗng hạ cung xuống, quay mặt đi và khóc, nói: “Không, ta không thể làm điều đó được. Ta không thể bắn vào thi thể cha ta”.

- Vậy thì người em sẽ được hưởng gia tài của cha, - nhà vua phán. - Anh ta là người con xứng đáng nhất. Còn người anh, nếu muốn, có thể đầu quân vào đội vệ sĩ của ta. Ta cần những con người khỏe mạnh và tham lam như thế, có cánh tay nhanh nhẹn, con mắt chuẩn xác và trái tim sắt đá.

Tiếp đó ba người đàn ông khác đến ra mắt nhà vua. Cùng chung lưng buôn bán, họ đã kiếm được khá nhiều tiền. Khi đến lúc phải trở về Jerusalem, họ đem những đồng tiền vàng kiếm được bỏ vào một chiếc túi da khâu kín, rồi cùng nhau lên đường. Dọc đường, họ ngủ đêm lại trong rừng, đem túi tiền chôn xuống đất để khỏi bị mất. Nhưng khi sáng hôm sau tỉnh dậy, họ không tìm thấy túi tiền ở chỗ đem chôn hôm trước.

Thế là người này buộc tội người kia đã lấy cắp túi tiền. Vì cả ba người đều khôn ngoan và ăn nói giỏi, nên nhà vua mới bảo họ:

- Trước khi ta xử việc này, các người hãy nghe ta kể lại một câu chuyện. Có một người con gái đẹp đã thề ước với người yêu của mình khi anh ta lên đường đi chu du, rằng nàng sẽ đợi anh ta và không trao gửi sự trinh tiết của mình cho một ai ngoài anh ta. Nhưng ít lâu sau, người tình của nàng đã cưới vợ ở một thành phố khác, và cô gái đẹp biết được điều đó. Liên đấy, một chàng trai giàu có và nhân hậu ở cùng thành phố, vốn là bạn tuổi nhỏ của nàng, đến hỏi nàng làm vợ. Bị bố mẹ thúc ép, nàng vì xấu hổ và sợ hãi không dám kể cho chàng trai về lời hứa ngày trước của mình, và nhận lấy anh ta. Sau bữa tiệc cưới, chàng trai dẫn vợ vào phòng tân hôn và muốn ân ái cùng nàng, nhưng cô gái cầu xin anh ta: “Xin chàng hãy cho em đi đến thành phố nơi người yêu cũ của em đang sống, để anh ấy giải bỏ lời thề cho em, khi đó em sẽ trở về với chàng và sẽ làm tất cả những gì chàng muốn!”. Vì rằng chàng trai rất yêu vợ, nên đã đồng ý với lời cầu xin của cô gái, để

nàng đi. Dọc đường, nàng bị một tên cướp xông ra chặn, cướp hết của rồi toan cưỡng hiếp nàng. Nhưng cô gái đã quỳ xuống trước mặt hắn và khóc lóc xin hắn tha cho cái trinh tân của mình, rồi nàng kể cho tên cướp nghe toàn bộ câu chuyện, trình bày lí do nàng đi đến thành phố xa lạ nọ để làm gì. Tên cướp sau khi nghe nàng kể, đã kinh ngạc trước lòng trung thành với lời hứa của nàng và cảm động trước lòng tốt của người chồng nàng đến mức chẳng những tha cho nàng đi, mà còn trả lại cho nàng tất cả những vật quý mà hắn vừa cướp của nàng. Bây giờ ta hỏi các người, ai trong số ba người kia đã xử sự tốt nhất trước mặt Đức Chúa Trời - cô gái, chồng nàng hay tên cướp?

Một trong ba người bị xét xử nói rằng cô gái là đáng khen hơn tất cả vì sự trung thành với lời hứa của mình. Người thứ hai tỏ ra thán phục trước tình yêu vĩ đại của chồng cô gái; còn người thứ ba thì cho hành động của tên cướp là cao thượng nhất.

Nhà vua liền nói với người thứ ba:

- Vậy chính nhà ngươi đã ăn trộm túi vàng của chung, bởi vì bản chất nhà ngươi là tham lam và ham muốn của cải người khác.

Nghe thấy thế, người đó liền trao chiếc gậy chống đi đường đang cầm trong tay cho một người bạn và giơ cả hai tay lên trời, nói như thề:

- Xin có đức Jehova^[19] chứng giám, rằng vàng ở chỗ người này chứ không có ở tôi!

Nhà vua mỉm cười, ra lệnh cho một tên thị vệ:

- Hãy cầm lấy cây gậy của người này và bẻ đôi ra.

Khi tên thị vệ thi hành mệnh lệnh của vua Solomon, những đồng tiền vàng liền rơi loảng xoảng xuống sàn nhà, vì chúng được giấu vào bên trong cây gậy rỗng; còn tên ăn trộm, kinh hoàng trước trí anh minh của nhà vua, vội vàng quỳ sụp xuống thú nhận tội lỗi của mình.

Lại thêm vợ góa của một người thợ nề xin vào cung Liban và kêu:

- Tâu bệ hạ, tôi đến đây để cầu lời phán xử anh minh của bệ hạ. Với hai đồng tiền cuối cùng còn lại, tôi đi mua bột mì đổ vào cái đấu lớn bằng sành để mang về nhà. Nhưng bỗng nhiên một cơn gió lớn nổi lên thổi bay hết số bột mì của tôi. Muôn tâu đức vua anh minh, ai sẽ đền bù sự thiệt hại đó cho tôi? Bây giờ tôi không còn gì để nuôi các con nhỏ của tôi nữa.

- Việc xảy ra bao giờ? - nhà vua hỏi.

- Thưa, vào sáng sớm hôm nay ạ.

Vua Solomon lập tức sai gọi mấy nhà lái buôn có thuyền hôm nay sẽ chở hàng vượt biển qua Jaffa đến Phoenicia. Khi họ đến, nhà vua cất tiếng hỏi:

- Các người có cầu Chúa Trời hoặc các vị thần linh ban gió thuận chiều cho những chiếc thuyền của các người không?

Đám lái buôn đồng thanh đáp:

- Tâu bệ hạ, có ạ! Và Đức Chúa Trời đã tiếp nhận lễ vật của chúng tôi, vì rằng Ngài đã cho chúng tôi một trận gió tốt lành.

- Ta mừng cho các người, - vua Solomon nói. - Nhưng cũng trận gió đó đã làm bay hết bột mì đựng trong đấu của một người đàn bà nghèo khổ. Các người có thấy nên đền bù lại cho chị ta không?

Mấy người lái buôn mừng rỡ vì rằng nhà vua gọi họ đến chỉ về việc đó, liền lập tức ném đầy đấu của người đàn bà góa những đồng bạc lớn và nhỏ. Khi chị ta sung sướng vừa khóc, vừa cảm tạ nhà vua, ngài mỉm cười rạng rỡ và nói:

- Khoan đã, chưa hết đâu. Cơn gió sáng nay cũng mang đến cho ta một niềm vui bất ngờ. Vậy nên cùng với tiền bạc của các lái buôn này, ta ban thêm cho người một ít quà của ta.

Và ngài sai quan giữ kho Adoniram lấy ra những đồng tiền vàng đem rải lên phía trên số tiền của mấy người lái buôn sao cho những đồng tiền bạc bị lấp kín không thấy đâu nữa.

Ngày hôm đó, vua Solomon không muốn thấy ai phải gánh chịu bất hạnh. Tổng số bổng lộc mà ngài cấp phát hàng năm trước đây nhiều khi không bằng số quà mà ngài hào phóng ban tặng vào hôm đó. Ngài tha cho cả Ahimaaz chúa đất Naphtali, người trước đó đã bị đàn hặc vì tội lạm thu; miễn xá cho nhiều người phạm lỗi và khoan dung đối với tất cả những lời thỉnh nguyện của các thần dân, chỉ trừ có một người.

Khi nhà vua rời cung Liban bước ra theo lối cửa nhỏ phía Nam, có một người mặc áo da màu vàng đón gặp ngài. Đó là viên đại tư tế của đền thờ thần Moloch, một người thấp lùn, vai rộng, mặt cau có đỏ sạm, râu đen rậm, cổ bò đực thiến, ánh mắt nặng nề gườm gườm nhìn từ dưới hai hàng lông mi đen dày. Người đó chỉ kêu lên một tiếng bằng giọng van nài:

- Bệ hạ!...

Trong khoang bụng bằng đồng của vị thần ông ta thờ cúng có bảy ngăn: một ngăn chứa bột mì, ngăn thứ hai chứa chim câu, ngăn thứ ba chứa cừu đực, ngăn thứ tư chứa cừu cái, ngăn thứ năm chứa bê, ngăn thứ sáu chứa bò đực, ngăn thứ bảy dùng để chứa những hài nhi sống do mẹ chúng mang đến, ngăn này đã từ lâu bị bỏ trống vì lệnh cấm của nhà vua.

Vua Solomon im lặng bước ngang qua viên đại tư tế, nhưng ông ta lại chìa một bàn tay theo về hướng ngài đi và thốt lên cầu khẩn:

- Bệ hạ! Tôi xin thề bằng niềm vui của ngài!... Thưa bệ hạ, xin ngài hãy ban cho tôi cái ân sủng đó, và tôi sẽ tận tụy với bệ hạ một mối nguy hiểm đang đợi ngài.

Vua Solomon không đáp; viên đại tư tế nắm chặt hai bàn tay rắn khỏe của mình, nhìn theo ngài cho đến tận cửa bằng ánh mắt hẩn học.

VI

Buổi chiều, Sulamif đi xuống thành cổ, đến khu có cửa hàng của những người làm nghề trao đổi, cầm cố hàng hóa, cho vay lấy lãi và những người buôn các thứ dầu thuốc thơm. Ở đó, nàng bán cho người thợ kim hoàn với giá ba drachma một dinar cái vật quý nhất của mình - đôi hoa tai bạc, mỗi chiếc có một ngôi sao nhỏ bằng vàng.

Rồi nàng ghé vào cửa hiệu buôn các thứ thuốc thơm. Trong hòm đá sâu và tối, giữa những chai lọ dầu thơm Ả Rập màu xám, những gói trầm hương Liban, những bó cỏ thơm và những chai tinh dầu hoa hồng là một ông già ngồi xếp bằng tròn bất động, nheo nheo đôi mắt biếng lười - lão hoạn người Ai Cập, to béo, mặt nhăn nheo, cả người tỏa ra mùi thơm nức. Lão thận trọng rót từ trong lọ dầu Phoenicia vào chiếc ve nhỏ bằng sứ một số giọt micra^[20] đúng bằng số dinar mà Sulamif có; và khi đã làm xong điều đó, lão vừa lấy nắp cọ vét những giọt dầu vương quanh cổ lọ, vừa cười một cách ranh mãnh:

- Ô này, cô gái xinh đẹp, cô gái da ngăm ngăm đen! Hôm nay khi người yêu của cô hôn cô vào giữa bộ ngực và nói: “Da thịt em mới thơm tho làm sao, hỡi người yêu của anh!” - thì cô hãy nhớ đến lão nhé. Lão đã rót thừa thêm cho cô ba giọt đấy.

Rồi khi đêm đến, vầng trăng đã lên cao phía trên Syloam, hòa lẫn màu trắng nhợt của những ngôi nhà với màu xanh lam thẫm của những vệt bóng đổ dài trên mặt đất và màu xanh lơ bàng bạc của cây cối, thì Sulamif ngồi dậy trên chiếc giường nghèo đơn sơ trải tấm da dê và lắng tai nghe. Trong khắp ngôi nhà, tất cả đều im lặng. Em gái nàng nằm ngủ trên sàn cạnh tường, thở đều đều. Chỉ nghe ở ngoài kia, trong các bụi cây ven đường, tiếng ve kêu rền rĩ, dai dẳng và tiếng máu chạy giần giật hai bên thái dương. Những hàng song cửa sổ được ánh trăng rọi sáng trải bóng xiên xiên rất rõ trên sàn.

Run rẩy vì ngỡ ngàng, chờ đợi và hạnh phúc, Sulamif cởi khuy bộ áo xiêm của mình, thả tuột xuống dưới chân, rồi bước qua chúng, đứng khỏa thân giữa phòng, mặt quay về phía cửa sổ, cả người sáng loá trong ánh trăng lọt qua hàng song. Nàng rót dầu thơm micra từ trong ve con lên hai vai, lên ngực, lên bụng mình; và sợ phí mất dù chỉ một giọt dầu quý giá, nàng vội vàng thoa dầu lên đôi chân, vào dưới nách và quanh cổ. Sự đụng chạm mềm mại lướt qua của bàn tay, khuỷu tay nàng lên cơ thể mình cũng khiến nàng run rẩy toàn thân trước một linh cảm ngọt ngào. Rồi vừa mỉm cười ngây ngất, nàng vừa nhìn hai cây dương, một nửa đen thẫm, nửa kia như tráng bạc bởi ánh trăng, nổi cao phía ngoài cửa sổ sau hàng song, và thì thầm nói với chính mình:

- Đây là để cho chàng, ôi tình lang của em, đây là để cho chàng, ôi người yêu quý của em. Tình lang của em tuyệt vời hơn vạn ngàn người khác, mái đầu chàng là vàng ròng, tóc chàng lượn sóng và đen như mun. Miệng chàng ngọt như mật, và trọn vẹn chàng là một nỗi khát khao. Ôi, người yêu của ta là thế đấy, anh trai của ta là thế đấy, hỡi những người con gái xứ Jerusalem...

Và cả thân mình thơm ngát mùi micra, Sulamif lại nằm xuống giường. Mặt nàng hướng về phía cửa sổ, hai bàn tay nàng, hệt như một đứa trẻ thơ, kẹp chặt giữa hai đầu gối, tim nàng đập vang động khắp căn buồng. Thời gian cứ chậm chạp trôi. Hai mắt gần như không nhắm, nàng dần thiếp đi, nhưng trái tim nàng vẫn thức. Nàng mơ thấy ý trung nhân của nàng đang nằm cạnh nàng. Cánh tay phải của chàng kê dưới đầu nàng, còn tay trái chàng ôm riết ngang người nàng. Trong cơn hốt hoảng tràn đầy sung sướng, Sulamif chợt tỉnh khỏi giấc mơ màng; nàng tìm người yêu trên giường cạnh mình, nhưng không thấy. Hình hoa văn do bóng trăng vẽ nên trên sàn đã thu ngắn lại sát tường. Bên ngoài vẫn tiếng ve kêu, tiếng con suối Kidron chảy róc rách đơn điệu; từ phía thành phố vẳng lại tiếng hát náo nùng của một người gác đêm.

“Nhưng nếu chàng hôm nay không đến thì sao? - Sulamif nghĩ thầm. - Ta đã cầu xin chàng đừng tới, nhờ chàng lại nghe theo lời ta?... Ta xin thề bằng

những con nai rừng và những con hươu đồng nội, với các người, hỡi những nàng trinh nữ xứ Jerusalem: chớ có đánh thức tình yêu dậy khi nó chưa tự đến... Nhưng mà tình yêu đã đến với ta. Hãy đến mau đi, ôi tình lang của em! Người yêu của chàng đang đợi chàng. Hãy nhanh nhẹn như chú hươu tơ trên núi cỏ thơm”.

Ngoài sân chợt vang lên tiếng cát lạo xạo dưới những bước chân nhẹ nhàng. Và cô gái con người trông nho như rụng rời hồn vía. Một bàn tay ai đó thận trọng gõ nhẹ vào cửa sổ. Một gương mặt tối sẫm thấp thoáng sau hàng song. Và giọng thì thầm của bạn tình nghe vắng lại:

- Hãy mở cửa cho ta, ôi em gái của ta, ôi người tình của ta, ôi con chim bồ câu trinh bạch của ta! Những giọt sương đêm đã ướt đẫm mái đầu ta.

Nhưng thân thể Sulamif như bị phép thần làm cho cứng đờ bất động. Nàng muốn đứng lên, nhưng không thể, muốn cử động chân tay nhưng chúng chẳng chịu tuân theo. Và không hiểu chuyện gì đang xảy ra với mình, nàng thì thầm, mắt dán nhìn ra cửa sổ.

- Ôi mái tóc quăn của chàng đã ướt đẫm sương đêm! Nhưng em đã cởi bỏ mất áo xiêm của em rồi. Làm sao em có thể mặc lại được?

- Hãy dậy đi ôi người yêu dấu của ta. Ôi em tuyệt vời của ta, hãy ra đây mau. Bình minh sắp lại gần, những bông hoa đang hé nụ, các chùm nho đang tỏa hương thơm, đã đến giờ chim chóc hát ca, từ phía núi ta đang nghe giọng chim cu gù vắng lại.

- Em đã rửa sạch chân mình rồi, - Sulamif thì thào, - làm sao em có thể bước xuống sàn được nữa?

Mái đầu đen thẫm biến mất khỏi ô cửa sổ, tiếng bước chân đi vòng quanh ngôi nhà rồi dừng lại cạnh cửa ra vào. Người yêu của nàng thận trọng thò cánh tay qua khe cửa, Sulamif nghe rõ tiếng ngón tay chàng lần tìm then cửa phía trong.

Nàng liền đứng dậy, hai tay ép chặt trước ngực và sợ hãi thì thầm:

- Ôi em gái của em đang ngủ, em sợ nó thức dậy mất thôi.

Và nàng quả quyết xỏ chân vào đôi hài, choàng chiếc áo khiton^[21] nhẹ lên tấm thân trần, khoác dải khăn trùm lên và bước ra mở cửa, để lại trên mặt khóa những vết ngón tay loang dầu micra. Nhưng không còn ai nữa trên con đường lẻ loi chạy giữa những bụi cây tối sẫm trong màn sương mờ buổi sáng. Người yêu nàng không đợi nàng, đã bỏ đi, thậm chí cả bước chân chàng cũng không nghe rõ nữa. Vầng trăng như bị thu nhỏ lại, trở nên nhợt nhạt và treo rất cao. Phương Đông, phía trên các dãy núi như sóng lượn, bầu trời dần ửng hồng trước bình minh. Phía xa, những bức tường, những ngôi nhà của thành phố Jerusalem nổi lên trắng mờ, thấp thoáng...

- Ôi tình lang của em! Ôi hoàng đế cuộc đời em! - Sulamif kêu vọng vào bóng tối dẫm sương. - Em ở đây mà. Em đợi chàng đây!... Chàng hãy quay lại đi!

Nhưng không ai đáp lại lời nàng.

“Ta sẽ chạy theo con đường này, sẽ đuổi theo, đuổi kịp người yêu của ta. - Sulamif nói thầm với mình. - Ta sẽ đi vào thành phố, sẽ đi khắp các ngã đường, các quảng trường, sẽ tìm người mà lòng ta yêu dấu. Ôi, giá như chàng là anh trai của em, cùng bú một bầu sữa của mẹ em! Như thế em sẽ gặp chàng ngoài đường phố và hôn chàng mà không bị ai chê trách. Em sẽ khoác lấy cánh tay chàng và dẫn chàng đi về nhà của mẹ em. Chàng sẽ dạy em học và em sẽ mời chàng uống nước táo lựu. Ta xin với các người, hỏi những nàng trinh nữ xứ Jerusalem: nếu có gặp tình quân của ta, thì hãy nói với chàng rằng ta đã bị thương bởi ái tình”.

Nàng vừa nói thầm với chính mình những lời như vậy, vừa chạy theo con đường dẫn vào thành phố bằng những bước chân nhẹ nhàng, ngoan ngoãn. Dưới chân tường cạnh cổng ô Navoz^[22], hai người lính canh đang ngồi ngủ gật trong cái lạnh buổi sáng sau chuyến tuần đêm. Họ giật mình tỉnh dậy và

ngạc nhiên nhìn cô gái đang chạy vào thành. Người trẻ hơn trong số họ đứng dậy và dang hai tay ra chắn ngang đường:

- Khoan đã, đứng lại đã nào, người đẹp! - Anh ta vừa cười, vừa nói. - Em chạy đi đâu mà vội vậy? Chắc em vừa bí mật qua đêm trên giường với người tình và hãy còn ấm nóng bởi những vòng tay ôm ấp, còn các anh đây thì đang lạnh buốt vì sương giá. Sẽ là công bằng nếu em nán lại với các anh đây một lúc.

Người lính canh già cũng đứng dậy và muốn ôm lấy người Sulamif. Ông ta không cười, mà thở nặng nhọc, gập gáp và khò khè, liên tục đưa lưỡi liếm quanh đôi môi xanh tím. Khuôn mặt ông ta bị những vết sẹo lớn và những vết lở đã khô làm cho biến dạng xấu xí, trông thật đáng sợ trong bóng tối nhạt mờ lúc trời tảng sáng. Ông ta nói bằng giọng mũi khàn khàn:

- Quả đúng thế. Người tình của cô em thì có gì hơn những người đàn ông khác, hở cô gái đáng yêu! Hãy nhắm mắt lại, và cô sẽ không phân biệt được ta với người tình của cô em đâu. Thậm chí ta còn tốt hơn, vì ta có rất nhiều kinh nghiệm.

Họ chộp lấy ngực, lấy vai, lấy tay và áo của nàng. Nhưng Sulamif khỏe mạnh và mềm mại, thân thể nàng được xoa dầu thơm lại rất trơn. Nàng vùng thoát ra được, để lại trong tay hai người lính canh tấm khăn choàng đầu của mình, rồi chạy ngược trở lại theo con đường cũ, lần này còn nhanh hơn là khi chạy đến đây. Nàng không hề cảm thấy tức giận hay sợ hãi - toàn bộ ý nghĩ của nàng chỉ hướng về Solomon. Khi chạy qua ngôi nhà của mình, nàng thấy cánh cửa lúc này nàng đi ra giờ vẫn mở rộng, tạo thành một hình chữ nhật đen trên nền bức tường trắng. Nhưng nàng chỉ nín thở, thu mình lại như một con mèo nhỏ, nhón gót rón rén rảo bước ngang qua.

Nàng chạy qua cầu Kidron, vòng quanh làng Syloam, và theo con đường đá đi dần sang sườn phía Nam của núi Vatner El Hawa, đến vườn nho của mình. Anh trai nàng đang nằm ngủ giữa những luống nho, người quần trong

chiếc chăn len ướt đẫm sương đêm. Sulamif đánh thức anh mình dậy, nhưng chàng trai không thể tỉnh khỏi giấc ngủ trẻ trung say nồng buổi sáng.

Cũng như hôm qua, ánh bình minh cháy rực trên bầu trời Anazi. Một ngọn gió nổi lên. Mùi hương của những giàn nho đang nở hoa bay ngào ngạt.

- Ta sẽ đến nhìn lại chỗ cạnh bức tường, nơi người yêu của ta hôm qua đã đứng, - Sulamif nói. - Ta sẽ vuốt ve những hòn đá mà tay chàng đã chạm tới, sẽ hôn mảnh đất mà chân chàng đã dẫm lên.

Nàng nhẹ nhàng lách đi giữa các giàn nho. Những giọt sương rơi xuống lạnh buốt nơi chân nàng, ướt đẫm cả cánh tay nàng. Và một tiếng kêu vui sướng của nàng Sulamif vang khắp vườn nho! Vua Solomon đang đứng sau bức tường. Với gương mặt rạng rỡ, ngài vươn cả hai tay ra đón nàng.

Sulamif bay qua bờ rào nhẹ nhàng hơn cả một con chim; và không nói, với một tiếng rên hạnh phúc, nàng mở rộng vòng tay ôm chặt lấy cổ nhà vua.

Họ cứ đứng như thế đến mấy phút. Cuối cùng, Solomon dứt cặp môi mình khỏi miệng nàng, nói bằng giọng run run ngây ngất:

- Ôi, nàng xinh đẹp quá, hỡi người yêu của ta, nàng thật tuyệt vời!

- Ôi, chàng thật tuyệt vời, hỡi người yêu của em!

Những giọt nước mắt hân hoan và biết ơn - những giọt nước mắt hạnh phúc lấp lánh trên gương mặt nhợt nhạt và tuyệt trần xinh đẹp của nàng Sulamif. Kiệt sức bởi tình yêu, nàng buông mình xuống đất và khe khẽ thì thào những lời si mê:

- Giường của chúng ta là thảm cỏ xanh; trần nhà của chúng ta là tán cây bá hương ở trên đầu... Hãy hôn em bằng những nụ hôn của đôi môi chàng. Những vuốt ve của bàn tay chàng khiến em say hơn cả rượu nho...

Một lúc sau, Sulamif nằm gối đầu lên ngực vua Solomon. Cánh tay trái của ngài ôm chặt người nàng.

Ghé sát cặp môi vào tai nàng, Solomon thì thầm những lời nồng nàn với nàng; nhà vua dịu dàng xin lỗi nàng. Những lời của ngài khiến Sulamif đỏ mặt, nàng nhắm hai mắt lại. Rồi với nụ cười bối rối đẹp đến không có gì sánh nổi, nàng nói:

- Các anh trai em sai em đi canh giữ vườn nho... Thế mà vườn nho của mình em đã không gìn giữ...

Nhưng vua Solomon đã cầm lấy bàn tay ngăm ngăm đen nhỏ nhắn của nàng và đắm đuối đặt môi hôn lên đấy.

- Nàng không hối tiếc về điều đó chứ, Sulamif?

- Ô không, ôi hoàng đế của em, người tình của em, em không tiếc đâu. Nếu như ngay bây giờ chàng đứng dậy và bỏ em đi, nếu như em bị trừng phạt sẽ không bao giờ được gặp chàng nữa, thì đến tận cuối đời em vẫn nhắc tên chàng với lòng biết ơn vô hạn, ôi Solomon!

- Nay Sulamiff, nàng hãy nói cho ta nghe một điều... Nhưng ta xin nàng nói thật, hỏi nàng tiên trình bạch của ta... Nàng có biết ta là ai không?

- Không, và cho đến tận bây giờ em cũng chưa biết điều đó. Em nghĩ rằng... Nhưng nói ra em xấu hổ lắm... Em sợ chàng sẽ cười em... Người ta thường kể rằng trên núi Vatner El Hawa này thỉnh thoảng có những vị thần đi lang thang... Người ta bảo có nhiều vị thần rất tuấn tú... Và em nghĩ rằng, không biết chàng có phải là thần Horus, con trai thần Osiris hay không, hay là một vị thần nào khác?...

- Không, ta chỉ là một nhà vua thôi, người yêu của ta ạ. Nhưng tại chỗ này, ta hôn bàn tay dịu hiền rám nắng của nàng và ta thề với nàng rằng: chưa bao giờ, cả vào thời cuồng nhiệt yêu đương của tuổi trẻ, cả vào những ngày vinh quang nhất của đời ta, trái tim ta chưa bao giờ cháy lên một nỗi khát khao không gì dập tắt nổi mà chỉ một nụ cười của nàng, một lần chạm khẽ mớ tóc quăn như lửa của nàng, một nét cong trên đôi môi mọng thắm của nàng đã gọi nên! Nàng đẹp tuyệt vời như những mái lều Kedar, như những bức

rèm thêu trong đền Solomon! Bàn tay nàng vuốt ve khiến ta mê mẩn. Và đây da thịt ngực nàng thơm nồng nàn ngây ngất. Và hai bầu vú của nàng như rượu vang say!

Thời gian ngưng dòng chảy của mình và khép lại trên đầu họ thành một vầng mặt trời. Giường của họ là cỏ xanh, mái nhà là tán bá hương, các bức tường là những hàng bách diệp. Và ngọn cờ giăng tỏa trên đầu họ là tình yêu.

VII

Bể bơi của nhà vua trong cung có hình bát giác làm bằng đá cẩm thạch trắng, mát lạnh. Những bậc tam cấp bằng đá khổng lồ dẫn xuống tận đáy bể. Lớp ốp mặt bằng ngọc thạch anh Ai Cập trắng muốt với những đường vân hồng nhạt làm nền khung. Phần trang trí trên tường được khắc trở bằng thứ gỗ mun tốt nhất. Bốn đầu sư tử tạc bằng đá mã não có vân phun bốn luồng nước mảnh vào bể. Tám tấm gương bạc bóng loáng cao bằng đầu người, công trình của các tay thợ Sidon, được gắn vào các bức tường giữa những hàng cột trắng thanh thoát.

Trước khi nàng Sulamif bước vào bể tắm, những người hầu gái trẻ rót vào đó các thứ chất lỏng chế từ hương liệu, và nước trong bể trở nên trắng đục, xanh biếc rồi lấp lánh ánh ngọc mắt mèo màu sữa. Đám nữ tì nô lệ cởi xiêm y cho Sulamif thán phục nhìn thân thể nàng; cởi xong, họ dẫn nàng đến trước gương. Không một khuyết tật nhỏ nào trên cơ thể hoàn mỹ của nàng ánh lên như một trái cây chín được mạ vàng bởi mái tóc mềm bốc lửa. Sulamif ngắm mình khỏa thân trong gương, thầm nghĩ, hai má chột ửng hồng:

“Tất cả em đây là dành cho chàng, hồi hoàng đế của em!”.

Tắm xong, Sulamif rời bể, tươi tắn, thơm tho, sáng khoái, trên người ướt đẫm những giọt nước long lanh. Đám nô lệ gái khoác lên người nàng chiếc áo chên ngắn bằng vải lanh trắng Ai Cập cực mỏng và tấm áo choàng khiton bằng vải quý xứ Sargon màu vàng óng khiến cho xiêm y trên người nàng như được dệt bằng các tia nắng mặt trời, xô vào bàn chân nàng đôi hài đỏ làm bằng da dê non, rồi hong khô mái tóc quấn màu lửa đỏ thắm của nàng, cài lên áo nàng những hạt ngọc trai lớn đen huyền, trang điểm hai cách tay nàng bằng những vòng xuyên kêu du dương như phát nhạc.

Sulamif đã đến trước mặt vua Solomon trong bộ trang y như vậy, và nhà vua thốt lên mừng rỡ:

- Ai đây mà trắng lợt như bình minh, mũm mĩm như ánh trăng, rực rỡ như vầng dương thế này? Ôi Sulamif, sắc đẹp của nàng đáng sợ hơn cả những đoàn quân với những ngọn cờ trận giương cao! Ta đã biết đến bảy trăm phi tần, ba trăm cung nữ và vô số gái đẹp, nhưng nàng là duy nhất, ôi tuyệt sắc giai nhân của ta! Trông thấy nàng, các nữ hoàng trên đời sẽ cạn lời tán tụng, các cung tần mỹ nữ sẽ nghiêng mình thán phục, và tất cả phụ nữ trên thế gian sẽ ngợi ca nàng. Ôi Sulamif, cái ngày nàng trở thành vợ ta, trở thành hoàng hậu của ta sẽ là ngày hạnh phúc nhất đối với trái tim ta.

Còn nàng, bước đến bên cánh cửa chạm bằng gỗ ôliu, áp sát má vào đó và dịu dàng cất tiếng nói:

- Em chỉ muốn làm nô lệ của chàng thôi, hỡi Solomon! Đây, em đang áp tai của mình lên cánh cửa. Và em xin chàng, theo tục thánh Moshe, hãy chọc thủng tai em để ghi nhận việc em tự nguyện làm nô lệ của chàng.

Vua Solomon liền ra lệnh lấy từ kho báu của mình hai viên ngọc đeo tai bằng thạch lựu đỏ thắm, hình như trái lê dài. Ngài tự tay mình gắn chúng lên tai Sulamif và nói:

- Người yêu của ta thuộc về ta, và ta thuộc về nàng.

Rồi cầm tay Sulamif, nhà vua dẫn nàng vào phòng tiệc, nơi các bạn bè và quần thần đang đợi ngài.

VIII

Đã bảy ngày trôi qua kể từ buổi sáng Sulamif bước vào hoàng cung. Bảy ngày nàng với nhà vua cùng nhau say hưởng ái tình mà không thể nào nguyện thỏa.

Vua Solomon thích trang điểm cho người tình của mình những đồ vật quý. “Ôi, đôi chân nhỏ xinh của nàng đi hài mới tao nhã làm sao!” - ngài thán phục thốt lên, quỳ gối trước mặt Sulamif, lần lượt hôn từng ngón chân nàng, rồi đeo lên đó những chiếc nhẫn gắn đủ loại châu ngọc đẹp và quý đến nỗi trên các bộ đồ đại lễ của thầy cả thượng thẩm cũng không có.

Sulamif say sưa nghe ngài kể về bản tính tự nhiên của các loại ngọc quý, về những phép màu và những ý nghĩa huyền bí của chúng.

- Đây là anfraks, ngọc thiêng của xứ Ophir, - nhà vua nói. - Nó nóng và luôn luôn ẩm ướt. Nàng hãy nhìn xem, nó đỏ hồng như máu, như ánh rắng chiều, như bông hoa lựu đã nở, như màu rượu vang đặc của các vườn nho ở Ein Gedi, như cặp môi của nàng, Sulamif ạ, như cặp môi nàng sau đêm ân ái. Đây là viên ngọc ái tình, cuồng nộ và máu huyết. Trên ngón tay người đang lên cơn sốt hoặc cơn ham muốn mê đắm, nó sẽ trở nên ẩm nóng và cháy rục như lửa. Hãy đeo nó lên tay, hỏi người yêu của ta, nàng sẽ thấy nó bùng lên như thế nào. Nếu đem nghiền nó thành bột hòa cùng nước uống, nó sẽ làm cho da mặt hồng hào, có tác dụng dưỡng vị và tâm thần sáng khoái. Người đeo nó sẽ có được quyền lực đối với những người khác. Nó chữa lành các thứ bệnh cho trái tim và trí não. Nhưng không được đeo nó khi có mặt trẻ nhỏ, vì nó kích thích gợi nên quanh mình những khao khát ái tình.

Còn đây là viên ngọc trong suốt màu xanh gi đồng. Ở xứ Ethiopia, quê hương của loại ngọc này, người ta gọi nó là Mgnadis-Fza. Nó có một đặc

tính khác thường là hút bạc về mình, hết như một kẻ tham lam và háms bạc. Ta sẽ tặng nó cho nàng, hời bạn tình của ta, vì nàng không vụ lợi.

Và nàng hãy nhìn đây, Sulamif, những viên ngọc lam sa-phia này. Một số viên có màu giống như những bông xa cúc trong đám lúa tiểu mạch, những viên khác có màu trời thu, lại có hòn mang màu nước biển vào ngày đẹp trời. Đây là viên ngọc trinh - nó lạnh và trong suốt. Trong những chuyến đi xa vất vả, người ta ngậm nó vào miệng để chống khát. Nó còn chữa bệnh hủi và các thứ nhọt độc khác. Nó làm cho trí não sáng suốt, tỉnh táo. Những vị tư tế của thần Jupiter ở La Mã đeo nó trên ngón tay trỏ của mình.

Đứng đầu tất cả các loại đá quý là viên ngọc shamir. Người Hi Lạp gọi nó bằng tên adamas, có nghĩa là “vô địch”. Độ rắn của nó trên đời này không có gì sánh kịp, bị đốt trong ngọn lửa cháy đỏ nhất nó vẫn không hề suy yếu. Đây là một tia nắng mặt trời tụ lại trên mặt đất và bị thời gian làm cho đông lại. Hãy ngắm nhìn xem, hời Sulamif, nó lấp lánh đủ các sắc màu, nhưng lại trong suốt giống hết như một giọt nước lã. Nó ánh lên trong bóng đêm đen, nhưng lại mất hết màu sắc trên tay kẻ giết người thậm chí giữa ban ngày. Người ta thường buộc ngọc shamir vào tay những người đàn bà đang vất vả vì khó dễ, và các chiến binh ra trận cũng đeo nó vào tay trái. Người nào đeo ngọc shamir thì được tất cả các vua chúa sủng ái và không sợ mọi hung thần. Ngọc shamir xua các màu sắc bệnh hoạn khỏi mặt người, làm thơm sạch hơi thở, giúp những kẻ mộng du ngon giấc, nó lại đỡ mờ hôi khi ở gần thuốc độc. Ngọc shamir có giống cái và giống đực; vùi sâu xuống đất, chúng có thể tự sinh sản.

Lam bảo thạch, màu nhạt và êm dịu như ánh trăng, là viên ngọc của các thầy pháp Chaldea và Babylon. Trước khi làm phép phán truyền, họ đặt viên ngọc này vào dưới lưỡi, và nó giúp họ đoán trước được tương lai. Nó có một mối liên hệ kì lạ với mặt trăng, bởi vì vào những đêm trăng tròn nó lạnh hơn và phát sáng rực rỡ hơn. Nó đặc biệt tốt lành đối với người đàn bà nào đeo nó vào năm bắt đầu bước vào tuổi thiếu nữ dậy thì.

Chiếc nhẫn ngọc lục bảo này nàng hãy đeo thường xuyên, hồi ái nường của ta, bởi vì đây là thứ ngọc ưa thích nhất của Solomon, vua xứ Israel! Nó có màu xanh lục, tinh khiết, tươi mát và dịu dàng như cỏ mùa xuân; mỗi khi ngắm nhìn nó lâu, trong tim sẽ trở nên ấm áp; còn nếu nhìn ngắm nó ngay từ sáng sớm thì cả ngày hôm đó nàng sẽ cảm thấy rất thanh thản. Ta sẽ treo nơi chỗ đêm nàng nằm ngủ một viên lục bảo, hồi tình nường kiều lệ của ta; nó sẽ giữ gìn nàng khỏi những giấc mơ dữ và xấu, điều hòa nhịp tim đập và xua đuổi những ý nghĩ tồi tệ. Ai đeo ngọc lục bảo thì rắn rết và bọ cạp không dám lại gần; nếu giỡn ngọc lục bảo trước mắt rắn, nước từ trong mắt rắn sẽ chảy ra cho đến lúc nó mờ hẳn mới thôi; ngọc lục bảo đem mài cho người bị ngộ độc uống cùng với sữa lạc đà nóng, thuốc độc sẽ thoát ra ngoài cùng mồ hôi; đem hòa với tinh dầu hoa hồng, ngọc lục bảo chữa khỏi các vết rắn độc cắn; còn đem nghiền với nghệ tây đắp lên mắt người mù, nó làm cho mắt mù sáng lại; nó còn trị bệnh ỉa chảy ra máu cả khi bị hắc suyễn, cái chứng bệnh không một thứ thuốc nào của loài người chữa khỏi.

Nhà vua cũng tặng cho người tình của mình: một viên thạch anh tím Libya có màu giống như bông violet nở sớm trong các cánh rừng dưới chân núi Libya - thứ ngọc quý có phép màu làm dịu gió bão, giải tỏa những cơn nóng giận, giữ người khỏi say rượu và trợ giúp khi đi săn thú dại; một viên ngọc lam biryuza xứ Persepolis mang lại hạnh phúc trong tình yêu, hòa giải những trận cãi vã giữa vợ chồng, giúp tránh khỏi cơn thịnh nộ của nhà vua và rất đắc lợi trong việc buôn bán ngựa; một viên ngọc mắt mèo có tác dụng giữ gìn tài sản, trí tuệ và sức khỏe cho chủ nhân của nó; một viên ngọc verilly màu lam pha lục nhạt như nước biển nơi gần bờ, thứ thuốc chữa bệnh mắt vảy cá và bệnh hủi, người bạn đường đáng quý của những kẻ hành hương; một viên ngọc mã não ngũ sắc - ai mang nó sẽ không sợ mưu thâm kế độc của kẻ thù và tránh được nguy hiểm bị đè chết khi gặp động đất; một viên ngọc néphrite có phép làm mất hiệu lực của sấm sét; một viên ngọc onychite màu tía xanh pha sắc trắng đục có tác dụng canh giữ chủ nhân khỏi bị lửa thiêu hoặc mất trí; một viên ngọc jasper khiến thú dữ phải run sợ; một viên hắc yến ngọc giúp người đeo nó có tài

hùng biện; một viên ngọc chim ưng mà phụ nữ có thai rất thích, thường được chim ưng đặt vào tổ khi chim con sắp nở; một viên ngọc nhật quang zaberzat của xứ Ophir, lấp lánh như muôn vàn mặt trời nhỏ xíu; một viên ngọc hrisolit vàng óng - người bạn của các thương nhân và kẻ trộm; ngọc mã não có vân rất được vua chúa và hoàng hậu ưa thích; ngọc ligated đỏ thắm màu huyết dụ, nó được tìm thấy trong dạ dày con linh miêu, một loài thú mắt tinh đến mức có thể nhìn thấu qua tường, vì vậy người đeo ngọc ligated rất tinh mắt, ngoài ra nó còn cầm máu và làm lành mọi vết thương, trừ những vết thương do sắt thép và ngọc đá gây nên.

Nhà vua đeo lên cổ Sulamif những chuỗi dây chuyền rất quý bằng ngọc trai do thần dân của ngài mò ở biển Ba Tư; hơi ấm của thân thể nàng làm cho những viên ngọc trai phát ra vô vàn tia óng ánh, dịu dàng. Và chuỗi hạt san hô trở nên đỏ thắm hơn trên bộ ngực ngăm ngăm của nàng; nhẫn ngọc lam lung linh trên các ngón tay nàng; những vòng hồ phách vàng óng - các thủy thủ dũng cảm của vua Hiram xứ Tyre đã mang về đây dâng vua Solomon từ các bờ biển phương Bắc xa xôi - như phát ra những tia lửa nổ lách tách trên cổ tay nàng.

Sulamif trải giường mình bằng những bông bách hợp và hoa vàng để chuẩn bị cho đêm sắp buông về; nằm kê đầu trên ngực nàng, nhà vua ngậy ngất thốt lên:

- Ôi, ái Khanh của ta, nàng giống như chiếc thuyền rồng ở nước Ophir, chiếc thuyền rồng khảm vàng nhẹ nhàng trôi nổi, dập dờn trên dòng sông thiêng liêng giữa những bông hoa trắng ngát hương thơm.

Như vậy đó, vua Solomon - con người vĩ đại nhất trong tất cả các vua chúa trên đời và thông minh nhất trong số các nhà thông thái thế gian - đã gặp được mối tình đầu tiên và cũng là cuối cùng của mình.

Từ bấy đến nay đã nhiều thế kỉ trôi qua. Đã có biết bao vua chúa và vương quốc tồn tại trên trái đất này - và tất cả đều như những ngọn gió thổi ngang sa mạc, không để lại một dấu vết nào. Đã có biết bao những cuộc chiến

tranh tàn khốc, lâu dài để lại tên tuổi những thống soái sáng chói qua các thế kỉ như những ngôi sao bầm máu, nhưng rồi ngay cả những kỉ niệm về họ đến nay cũng đã bị thời gian xóa sạch.

Còn tình yêu của một cô gái nghèo con người gác vườn nho và nhà vua vĩ đại sẽ không bao giờ bị phai mờ và quên lãng, vì rằng tình yêu đó mạnh như cái chết, vì rằng mỗi người đàn bà đang yêu đều là một nữ hoàng, và vì rằng tình yêu là đẹp nhất trên đời!

IX

Đã bảy ngày trôi qua từ khi Solomon - nhà thơ, nhà thông thái, nhà vua - dẫn về cung điện của mình người con gái nghèo ngài gặp trong vườn nho lúc bình minh vừa rạng. Bảy ngày nhà vua vui hưởng tình yêu của nàng mà không thể nào thỏa nguyện. Và niềm vui vĩ đại rọi sáng gương mặt ngài như ánh dương chói vàng rực rỡ.

Những đêm trăng ấm áp, phong quang là những đêm tình ái ngọt ngào! Nàng Sulamif khóa thân nằm trên giường da hổ, còn nhà vua ngồi dưới sàn cạnh chân nàng, rót đầy chén ngọc thứ rượu nho vàng óng ả của xứ Mareotis, uống chúc sức khỏe người tình của mình và say sưa kể cho nàng nghe những câu chuyện cổ dị thường và thông thái. Bàn tay Sulamif vuốt ve mái tóc đen gợn sóng của nhà vua.

- Hãy nói em nghe đi, ôi quân vương của em, - một lần Sulamif hỏi, - rằng em đã yêu chàng đột ngột như vậy có phải là điều lạ lùng đáng ngạc nhiên không? Bây giờ nhớ lại tất cả, em có cảm tưởng rằng em đã thuộc về chàng ngay từ khoảnh khắc đầu tiên, khi em còn chưa trông thấy chàng, mà chỉ mới nghe giọng chàng nói. Trái tim em đập rộn lên và mở rộng đón chàng, như một nụ hoa nở trong đêm hè khi gặp ngọn gió Nam. Chàng đã quyến rũ em bằng cái gì vậy, hỡi lang quân của em?

Nhà vua nhẹ ngả đầu lên cặp đùi mịn màng của Sulamif, âu yếm mỉm cười đáp lại:

- Ôi người ngọc của ta, trước nàng đã có hàng ngàn thiếu nữ hỏi người yêu của mình điều đó, và hàng trăm thế kỉ sau nàng, người ta cũng vẫn đặt ra câu hỏi ấy. Trên thế gian này có ba điều đối với ta là khó hiểu, và thêm một điều thứ tư ta sẽ chẳng hiểu được bao giờ - đó là đường của chim ưng bay trên trời, của rắn bò trong núi đá, của tàu chạy ngoài biển khơi và con đường của đàn ông đi tới trái tim phụ nữ. Đây không phải là ý nghĩ của ta,

Sulamif ạ, đó là những lời Agoura, con trai của Iakey nói với các học trò. Nhưng chúng ta sẽ kính trọng cả sự thông thái của người khác nữa.

- Quả vậy, thưa chàng, - Sulamif trầm ngâm nói. - Có thể đúng là con người sẽ không bao giờ hiểu được điều đó. Hôm nay trong bữa tiệc, trên ngực em có một bó hoa thơm shakti. Nhưng khi chàng đứng dậy rời khỏi bàn thì những bông hoa của em thôi không thơm nữa. Ôi lương nhân của em, em nghĩ rằng tất cả muôn vật đều phải yêu chàng - đàn bà, đàn ông, thú vật, thậm chí cả các loài hoa nữa. Em thường nghĩ và không thể nào hiểu nổi, làm sao lại có thể yêu một người nào khác ngoài chàng?

- Và ngoài nàng, ngoài nàng, ôi Sulamif của ta! Hàng ngày hàng giờ ta cảm tạ Đức Chúa Trời đã xui khiến ta được gặp nàng.

- Em nhớ khi em ngồi trên bức tường đá, và chàng đặt tay chàng lên bàn tay em. Một ngọn lửa nóng bùng chạy trong huyết mạch của em, đầu em quay đảo. Em thầm nói với mình: “Đây chính là ông chủ của ta, đây là hoàng đế của ta, đức lang bá của ta!”.

- Ta nhớ, ôi Sulamif, khi nàng quay lại sau lời gọi của ta. Dưới làn áo mỏng, ta nhìn thấy thân thể nàng, tòa thiên nhiên xinh đẹp tuyệt vời của nàng mà ta yêu như yêu chính Đức Chúa Trời. Ta yêu thân mình nàng với lớp lông tơ vàng óng mượt như dấu vết những cái hôn của mặt trời. Nàng thon thả, cân đối như con ngựa cái trong cỗ xe của Pharaon, nàng lộng lẫy như cỗ xe Aminodavova. Đôi mắt nàng như cặp chim bồ câu đậu trên suối nước nguồn.

- Ôi chàng ơi, lời chàng nói làm em ngây ngất. Bàn tay chàng ngọt ngào đốt bỏng thịt da em. Ôi đấng quân vương của em, hai chân chàng như hai cột trụ cẩm thạch. Bụng của chàng như một đồng lúa mạch với những bông bách hợp bao quanh.

Mê đắm bên nhau dưới ánh trăng thanh bình, rực rỡ, cặp uyên ương quên đi cả giờ giấc, nơi chốn; thời khắc theo nhau trôi qua, họ ngạc nhiên chợt nhận

thấy ngoài song cửa sổ loan phòng ánh bình minh hồng đã ửng.

Rồi một lần khác Sulamif nói:

- Ôi lang quân của em, chàng đã biết vô vàn những phi tần, thế nữ, và họ đều là những người đàn bà xinh đẹp bậc nhất ở dưới trần gian này. Em rất xấu hổ khi nghĩ về mình, một người con gái tiện dân, vô học, về dung sắc nghèo hèn, thân hình rám nắng của em.

Nhưng nhà vua, áp kề môi mình vào môi nàng, nói với lòng tri ân và ái phục vô hạn:

- Nàng là nữ chúa, ôi Sulamif của ta. Nàng sinh ra đã là một chân nữ chúa... Nàng táo bạo và hào phóng trong tình yêu. Ta đã có bảy trăm thê thiếp, ba trăm phi tần, còn mỹ nữ ta đã biết nhiều không kể hết, nhưng nàng là duy nhất của ta, là dịu hiền, là kiều lệ nhất trong số tất cả đàn bà ta gặp trên đời. Ta tìm ra nàng cũng giống như người thợ lặn mò ngọc trai ở vịnh Ba Tư: trước khi lấy được từ đáy biển lên một hạt ngọc xứng với vương miện của nhà vua, người đó đã chất đầy vô số làn sọt đựng những vỏ trai rỗng và những hạt ngọc không mấy giá trị. Ôi ái nương của ta, con người có thể yêu hàng nghìn lần, nhưng chỉ yêu thực sự được có một lần. Hàng muôn vạn người nghĩ rằng họ đang yêu, nhưng chỉ có hai người được Chúa Trời ban tặng tình yêu. Và khi nàng trao sự trinh bạch cho ta ở đó, giữa những hàng cây bách, dưới mái nhà bằng tán bá hương, trên giường cỏ xanh mềm, ta đã hết lòng cảm tạ Đức Chúa Trời, vì người khoan ái với ta đến vậy.

Rồi một lần khác, Sulamif lại hỏi:

- Em biết rằng tất cả họ đều yêu chàng, vì rằng không thể không yêu chàng được. Nữ hoàng xứ Sheba đã đến với chàng từ đất nước của mình. Người ta nói rằng bà ta đẹp xinh và thông minh nhất trong số tất cả những phụ nữ có trên mặt đất này từ xưa đến nay. Hệt như trong mơ, em vẫn nhớ những đàn súc vật chở hàng của bà ta. Không biết vì sao, nhưng từ khi còn rất bé, em đã bị cuốn hút đến với những cỗ xe của các bậc quyền quý. Lúc đó em

chừng bảy hoặc tám tuổi, em còn nhớ những con lạc đà trắng yên vàng, phủ khăn điều, chở các túi hàng nặng, em nhớ những con lạc đà đực đeo lục lạc giữa hai tai, những con khi ngô nghĩnh trong các lồng bạc và những con công đẹp tuyệt vời. Rất nhiều người hầu mặc áo trắng và xanh da trời, họ dắt những con hổ và báo buộc dải nơ đỏ. Lúc đó em mới chỉ lên tám tuổi.

- Ôi, ái hậu của ta, lúc đó nàng mới lên tám tuổi, - Solomon tiêu tao buồn bã nói.

- Chàng yêu bà ấy hơn em phải không, hỡi Solomon? Chàng hãy kể cho em nghe một điều gì về nữ hoàng Sheba đi.

Và nhà vua kể cho Sulamif nghe về người đàn bà kì kiệt đó. Được nghe nhiều về tài trí và vẻ khôi vĩ của vua nước Israel, nữ hoàng xứ Sheba rời đất nước của mình lên đường đi tìm ngài, mang theo rất nhiều tặng vật quý giá, với ý muốn thử thách trí thông minh của ngài và chinh phục trái tim ngài. Đó là một người đàn bà trạc tứ tuần, sắc đẹp lộng lẫy đã bắt đầu tàn úa. Nhưng bằng những thứ thuốc thần diệu bí mật, bà ta đã khiến cho thân hình mềm nhão của mình có vẻ cân đối, thanh nhã và dẻo dai như một thiếu nữ, khuôn mặt bà ta mang dấu ấn của một sắc đẹp siêu phàm khủng khiếp. Nhưng trí thông minh của bà ta là một trí thông minh bình thường của loại người trần tục, hơn nữa chỉ là một thứ thông minh vụn vặt của đàn bà.

Để thử vua Solomon bằng những câu đố, đầu tiên bà ta gửi đến cho ngài năm mươi chàng trai ở cái tuổi xinh đẹp dịu dàng nhất và năm mươi cô gái. Tất cả bọn họ được ăn mặc khéo léo tới mức đến con mắt tinh tường nhất cũng không thể nhận ra được giới tính của họ. “Tôi sẽ gọi ngài là thông thái, thừa đức vua, - nữ hoàng Balkis nói, - nếu đức vua đoán được trong số họ ai là đàn bà, ai là đàn ông”.

Vua Solomon cười lớn, ra lệnh mang đến cho mỗi người trong số họ một chậu bằng bạc và một vò nước cũng bằng bạc để rửa mặt. Trong khi các chàng trai vục thẳng cả hai bàn tay vào chậu hất từng vốc nước lên mặt và xát mạnh da, thì các cô gái lại làm như những người phụ nữ vẫn làm mỗi

khi rửa mặt: họ nâng niu, kĩ lưỡng lần lượt rửa từng bàn tay một, đưa nó lên sát mắt để nhìn.

Bằng cách đó, nhà vua đã dễ dàng giải câu đố thứ nhất của nữ vương Balkis Macheda.

Sau đó nữ vương gửi đến cho vua Solomon một viên kim cương có độ lớn bằng hạt bồ đào đại. Trong viên kim cương này có kẽ nứt chạy ngoằn ngoèo rắc rối suốt từ bên này sang bên kia. Cần phải khâu một sợi chỉ qua viên kim cương đó. Và nhà vua thông thái bắt một con sâu tằm bỏ vào bên này lỗ nứt, nó lần theo kẽ nứt bò sang bên kia, để lại phía sau mình một sợi tơ lụa mảnh.

Nữ vương Balkis kiêu diễm lại gửi cho vua Solomon một chiếc bình quý làm bằng ngọc mã não có vân chạm trổ cực kì tinh xảo và chuyển lời tới nhà vua rằng: “Chiếc bình này sẽ là của bệ hạ nếu bệ hạ đổ đầy vào đó thứ nước không lấy từ dưới đất lên mà cũng không lấy từ trên trời xuống”. Vua Solomon bỏ đầy bình thứ nước bọt mồi hôi lấy từ thân mình con ngựa bị thúc chạy mệt lử, rồi ra lệnh mang đến cho nữ vương.

Rất nhiều những câu đố như vậy nữ vương đã đưa ra để thử vua Solomon, nhưng nhà vua anh minh xứ Israel đều dễ dàng giải được, và tất cả các bùa thuật bí mật của những đêm đam mê cũng không giữ được tình yêu của vua Solomon. Rồi khi cuối cùng nữ vương làm cho nhà vua chán, ngài đã cười giễu bà ta một cách cay độc, tàn nhẫn.

Mọi người đều biết nữ vương xứ Sheba không cho phép ai nhìn thấy đôi chân của mình, vì vậy bà ta thường xuyên bận một chiếc váy dài sát đất. Thậm chí cả vào những giờ đắm say ân ái bà ta cũng dùng vải quấn kín chân mình. Rất nhiều những giai thoại ngộ nghĩnh và kì quái được kể xung quanh chuyện đó.

Một số người khẳng định rằng nữ vương có đôi chân dê mọc đầy lông, một số khác còn thề là hai chân của bà ta không có bàn, mà thay vào đó các

ngón tòe ra như chân ngỗng. Thậm chí người ta còn kể rằng một lần sau khi tắm xong, bà mẹ nữ vương đã ngồi lên bãi cát đúng chỗ một vị thần nào đó, lần ấy cải dạng thành một con ngỗng đực, vừa để lại tinh khí của mình. Sau sự việc tình cờ đó, bà có thai và sinh ra nữ vương xứ Sheba tuyệt thế giai nhân.

Và thế là vua Solomon ra lệnh bố trí tại một trong vô số phòng của mình một sàn nhà bằng pha lê trong suốt, phía dưới có gắn bể chứa rồi đổ đầy nước và thả cá vào đó. Tất cả được bài trí khéo léo khác thường đến mức bất cứ người nào nếu không biết trước cũng không thể nào nhận thấy mặt sàn bằng kính và sẵn sàng thề trước mặt họ là một bể cá đổ đầy nước trong mát.

Khi đã chuẩn bị xong xuôi, vua Solomon cho mời vị nữ khách quý đến gặp mình. Với một đám thị nữ lộng lẫy bao quanh, bà ta đi qua các phòng của cung điện Liban để đến trước bể nước quý quyết nợ. Phía bên kia bể, vua Solomon ngồi giữa ngọc ngà châu báu, cặp mắt đen mím cười chào đón.

Cửa phòng mở ra trước mặt nữ vương, bà ta đưa chân bước lên phía trước, nhưng chợt kêu thốt lên và...

Sulamif cất tiếng cười ngây thơ sung sướng, vỗ hai bàn tay vào nhau:

- Có phải nữ vương cúi xuống nhắc váy lên không ạ? - Sulamif hỏi.

- Đúng thế, hỡi tình nương của ta ạ, nữ vương đã làm như bất kỳ một người đàn bà nào vẫn làm trong trường hợp tương tự. Bà ta vội kéo gấu váy của mình lên, và mặc dù việc đó chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, nhưng ta cùng cả triều thần của ta đã thấy rằng nữ vương Balkis Macheda kiều diễm xứ Sheba sở hữu một đôi chân người bình thường, nhưng chúng có dáng cong, và phủ một lớp lông rậm. Ngày hôm sau bà ta không đến chào từ biệt ta, lên đường về nước cùng đoàn súc vật thờ tuyệt vời của mình. Còn ta, vốn không muốn làm nữ vương giận, lập tức sai người tin cần hỏa tốc đuổi theo trao cho nữ vương một túm cỏ núi dùng làm thuốc diệt lông mọc trên người

rất hiệu nghiệm. Nhưng nữ vương đã gửi trả lại đầu viên sứ giả của ta trong chiếc túi bằng gấm điều.

Vua Solomon còn kể lại cho bạn tình nghe nhiều chuyện trong đời mình, - những chuyện mà không một người nào khác được biết và Sulamif đã mang theo chúng xuống mồ. Ngài nói về những tháng năm dài lang thang nặng nề, khi để tránh cơn giận dữ của các anh, sự ganh ghét của Absalom và sự ghen tuông của Adonias, ngài buộc phải thay họ đổi tên, trốn đi biệt xứ, chịu bao đói rét, cực nhục. Ngài kể với nàng chuyện một lần ở đất nước nọ xa lạ, khi ngài đứng giữa chợ chờ có ai đó thuê làm việc gì, thì người đầu bếp trong cung vua bước đến bảo:

- Nay chàng trai ngoại bang, hãy giúp ta mang giỏ cá này vào cung với...

Bằng trí thông minh, tài khéo léo và cách xử sự khôn ngoan, Solomon rất được lòng những người trong cung, nên ít lâu sau được nhận vào làm ở đó; còn khi người đầu bếp chính của nhà vua qua đời, ngài liền thay chỗ ông ta. Tiếp đó, Solomon kể chuyện người con gái duy nhất của nhà vua, nàng công chúa kiều diễm và nồng nàn, đã đem lòng thầm yêu chàng đầu bếp mới và một lần vô tình thổ lộ với ngài điều đó; thế rồi hai người đang đêm cùng nhau bỏ cung chạy trốn, nhưng bị đuổi theo, bắt được và Solomon bị xử tội chết, nhưng cuối cùng đã may mắn vượt ngục trốn thoát.

Sulamif say sưa nghe chuyện, còn những khi nhà vua ngừng kể là khi trong sự tĩnh lặng đêm thanh, môi họ tìm đến gần chặt vào nhau: hai đôi tay quấn quýt, hai bộ ngực sát kề. Và khi bình minh ngày mới đã rạng, khi toàn thân Sulamif ửng hồng pha sắc trắng nhợt, khi sự mệt mỏi bởi ái tình hằn những quầng xanh quanh đôi mắt tuyệt đẹp của nàng, thì Sulamif cất tiếng nói với nụ cười đắm đuối mê li:

- Ôi lang quân của em, hãy cho em ăn táo vườn để lấy lại sức, hãy cho em uống rượu vang cho tỉnh táo, bởi vì tình yêu đã làm em kiệt sức mất rồi.

X

Trong ngôi đền thờ nữ thần Isis^[23] trên núi Vatner El Hawa đã kết thúc phần đầu của tuần đại tế, đến dự buổi lễ này có cả những tín đồ thuộc cấp hạng thấp. Viên tư tế chủ lễ, một tu sĩ già mặc áo lễ màu trắng, đầu cạo trọc, không răng và không râu, từ trên bục thờ cao quay xuống phía dân chúng và cất giọng khe khẽ, mệt mỏi:

- Hãy sống trong hòa thuận, hỡi các nam nữ tín đồ. Hãy hoàn thiện công tích của mình. Hãy ngợi ca danh sáng nữ thần. Ôn mưa móc của Đức Bà sẽ mãi mãi cùng các con.

Viên tư tế vung tay trên đầu đám đông làm phép ban phước. Lập tức, những người được nhận thánh lễ nằm xoài ra sàn; một lát sau họ đứng dậy lạng lẽ đi ra cửa.

Hôm nay là ngày thứ bảy của tháng Famenot^[24] Ai Cập, ngày thánh lễ của các thần Osiris và Isis. Từ chiều, đoàn diễu hành trang trọng đã ba lần đi vòng quanh ngôi đền với đèn lồng, lá cọ, bình sứ và những biểu tượng thần bí của các thần và các vật thiêng phallus^[25]. Ở giữa đoàn rước, nổi cao trên vai các viên tư tế và tiểu tiên tri là mô hình thu nhỏ của naos^[26] đóng kín bằng gỗ quý kết chạm châu báu, ngà voi và vàng. Ngự trong naos là chính nữ thần, - tồn tại trong dân gian với các tên “Đức Bà Vô Hình”, “Nữ Thần Bảo Trợ Mùa Màng”, “Nữ Chúa Huyền Diệu”, “Mẹ, Chị Và Vợ Của Các Thần”.

Thần Seth hung ác tìm cách mời anh mình là Osiris linh diệu đến dự tiệc, dùng kế lừa thần nằm vào chiếc hòm lộng lẫy, rồi đóng sập nắp hòm, ném cả hòm lẫn vị thần vĩ đại xuống dòng sông Nil. Nữ thần Isis, vừa sinh hạ thần Horus, khóc lóc đi khắp mặt đất tìm thi thể chồng, nhưng mãi vẫn không tìm thấy. Cuối cùng, các loài cá kể với bà là chiếc hòm đã bị sóng đánh ra ngoài biển và dạt đến Biblos, ở đó có một cây gỗ khổng lồ mọc lên

quanh hòm và giấu kín trong ruột cây cả thi thể lẫn ngôi nhà nổi của thần. Vua của đất nước đó đã ra lệnh lấy thân cây nọ làm cho mình một chiếc cột trụ lớn mà không biết trong đó có thi thể của chính thần Osiris - Người Gieo Sự Sống Vĩ Đại. Isis tìm đến xứ Biblos, phải chịu bao đói khát, nóng nực và đường núi đá vất vả. Bà lấy hòm từ giữa thân cột ra, tự mình vác đi rồi đem chôn giấu ở chân tường thành phố. Nhưng thần Seth lại bí mật đào trộm thi thể thần Osiris, chặt ra làm mười bốn mảnh và ném vung ra khắp thành phố và làng mạc của Thượng và Hạ Ai Cập.

Với nỗi đau thương vô bờ bến và không ngớt lời khóc than, Isis lại đi tìm những mảnh thi thể thiêng liêng của người vừa là chồng vừa là anh trai mình. Hòa vào tiếng khóc của Isis còn có những lời than khóc của em gái bà, nữ thần Nephthys, của thần Toot hùng mạnh, và của con trai Isis - thần Horus sáng láng.

Đó là ý nghĩa sâu xa của cuộc tế rước hôm nay trong phần đầu của tuần lễ thần. Bây giờ, khi những đệ tử hạ cấp bình dân đã ra về, và sau một khoảng thời gian nghỉ ngắn, phần thứ hai của lễ tế thần vĩ đại bắt đầu. Trong nhà thờ chỉ còn lại những chức sắc bậc cao - các pháp sư, tiên tri và tư tế.

Các em bé trai bận đồ trắng mang thịt, bánh mì, các thứ quả khô và rượu vang ngọt trên khay bạc đi phân phát, một số khác rót từ các bình sứ cổ hẹp của xứ Tyre thứ rượu mạnh seker mà vào thời đó người ta thường cho tội nhân uống trước khi hành hình để họ giữ được lòng can đảm, đồng thời thứ rượu này còn có một đặc tính vĩ đại là nhen dậy và giữ vững trong lòng ngọn lửa của sự cuồng tín thiêng liêng.

Theo hiệu lệnh của viên tư tế chủ lễ, các đồng nam lùi ra. Viên tư tế đóng cửa đóng hết các cửa lại, rồi cẩn thận đi vòng quanh đám đông còn lại trong đền, nhìn kĩ mặt từng người một, hỏi họ bằng những lời huyền bí dùng làm mật khẩu để nhận biết những người được phép đến dự lễ đêm nay. Hai viên tư tế khác đẩy một lư hương lớn có bánh xe đi dọc các bức tường và quanh từng cột trụ một. Khói trầm hương ngào ngạt, xanh biếc, dày đặc lan tỏa

khắp ngôi đền, khiến chỉ còn trông thấy lơ mờ những ngọn lửa nhiều màu của các chùm đèn treo làm bằng các khối đá quý trong suốt bọc khuôn vàng chạm và treo trên trần bằng những sợi xích bạc dài. Thời xưa, ngôi đền thờ các vị thần Osiris và Isis này còn bé nhỏ và nghèo nàn, ăn sâu vào trong núi như một cái hang lớn. Lối từ ngoài vào là một hành lang ngầm nhỏ, hẹp nằm sâu dưới đất. Nhưng dưới thời trị vì của vua Solomon, người rộng lòng bảo trợ tất cả các tôn giáo ngoài các giáo phái bắt trẻ em làm vật tế lễ, và nhờ công sức của hoàng hậu Astiz gốc người Ai Cập, ngôi đền đã được mở rộng cả độ sâu lẫn chiều cao và được trang hoàng bằng các đồ quý tặng lộng lẫy, quý giá.

Bộ thờ cũ vẫn được giữ nguyên trong dáng vẻ đơn sơ khắc khổ trước đây, cùng với vô số những ngăn phòng nhỏ hẹp bao quanh để làm chỗ cất chứa các đồ quý, quà tặng và các vật thiêng, đồng thời đây cũng là nơi dùng cho các mục đích tối mật trong thời gian diễn ra những cuộc tế lễ Orgie^[27] thần bí và kín đáo nhất.

Bù vào đó, phần tiền sảnh với những trụ vuông tưởng nhớ nữ thần Hathor cùng bốn hàng hiên gồm hai mươi bốn cây cột tròn thì thật là lộng lẫy. Nhưng gian nội sảnh ngầm dưới lòng đất dùng để làm lễ cầu nguyện được bài trí lại còn tráng lệ hơn nhiều. Toàn bộ mặt sàn được khảm những bức họa tuyệt đẹp mô tả các giống cá, chim, muông thú, bò sát. Trần nhà phủ một lớp men sứ màu thanh thiên với hình mặt trời vàng chói rực rỡ, mặt trắng bạc lấp lánh và vô số tinh tú lung linh cùng những con chim giang rộng cánh bay. Sàn nhà là đất, trần là trời, còn nối trời với đất là những dãy cột tròn hoặc nhiều cạnh hết như những thân cây khổng lồ mạnh mẽ. Và bởi vì tất cả các đỉnh cột đều kết thúc bằng hình hoa sen mềm mại hay hình cuộn chỉ thảo, nên trần nhà nằm trên đó quả là nhẹ nhàng, thanh thoát, hết như bầu trời thật vậy.

Các bức tường từ mặt sàn đến độ cao bằng đầu người ốp kín những phiến đá hoa cương, theo ý muốn của hoàng hậu Astiz được chở về đây từ xứ Thebes, nơi các nghệ nhân bản xứ biết cách làm cho mặt đá nhẵn bóng như

gương và phát ra những tia sáng kì lạ. Phía trên, cho đến tận trần, các bức tường, cũng như những dãy cột, được chạm khắc và vẽ các bức hình tượng trưng cho các vị thần của cả Thượng lẫn Hạ Ai Cập. Ở đây có thần Sebac được thờ cúng ở Fayume dưới hình dạng con cá sấu, thần mặt trăng Toot ở thành Hmunu có hình chim hạc, thần mặt trời Horus ở xứ Edfu mang biểu tượng là cái xương cụt, thần Bastet ở Bubas đội lốt con mèo, thần không khí Shu là con sư tử, thần Ptah là bò đực thiêng apis, nữ thần hoan hỉ Hatoc là con bò cái, thần Anubis có đầu chó rừng; rồi thần Monte ở xứ Hermon, thần Mina xứ Coptic, nữ thần bầu trời Neith ở xứ Sais, và cuối cùng là một hung thần đội lốt cừu mà người ta không dám nhắc tên, chỉ gọi là Hentientu, có nghĩa là “Sống ở phương Tây”.

Đàn thờ màu đen sẫm tối nổi cao ở giữa đền, còn tận sâu phía trong ánh lên mờ mờ những bức tường thếp vàng của cấm điện che khuất tượng hình nữ thần Isis. Ba lần cửa - lớn, giữa và hai cửa phụ nhỏ - dẫn vào điện thờ. Trước cửa phụ là bệ dành cho các vật tế với con dao làm bằng đá vỏ chai obsidian xứ Ethiopia. Đứng trên bậc tam cấp dẫn lên bàn thờ là các nam nữ tư tế hạ phẩm với thanh ba, chũm chọe, sáo và lục lạc.

Hoàng hậu Astiz nằm trong một căn phòng kín đáo. Một khe nhỏ hình vuông được khéo léo che khuất sau tấm màn vải nặng nhìn thẳng ra bàn thờ cho phép không để lộ mình vẫn có thể quan sát tất cả mọi chi tiết của việc tế lễ. Tấm áo mỏng bằng vải sa thêu chỉ bạc ôm sát thân thể của hoàng hậu, để hở đôi cánh tay trần đến tận vai và hai chân từ bụng chân trở xuống. Qua lần tơ trong suốt lồ lộ ra làn da hồng mịn và toàn bộ những chỗ thẳng giáng cùng đường nét tuyệt hảo của tấm thân ngà ngọc mà cho đến ngày nay, mặc dù đã ngoài ba mươi tuổi, vẫn chưa mất đi vẻ lộng lẫy, nuột nà và tươi mát. Mái tóc nhuộm xanh của hoàng hậu bỏ xõa xuống vai, chảy dọc theo triền lưng rồi được tết lại phía dưới bởi vô số những viên cầu thơm bằng hương liệu. Khuôn mặt nàng đánh son hồng và thoa phấn trắng, đôi mắt kẻ mực tinh xảo trông rất to và cháy rực trong bóng tối như mắt của một mãnh thú

thuộc họ mèo. Một tràng bùa thiêng bằng vàng từ cổ buông xuống chia đôi bộ ngực nửa kín nửa hở.

Kể từ khi vua Solomon, mệt mỏi bởi sự háo dâm quá độ của hoàng hậu Astiz và tỏ ra lạnh nhạt với nàng, hoàng hậu Astiz, cùng với toàn bộ nỗi phẫn kích dữ dội của thói ghen tuông đàn bà bị hạ nhục, đã sa đắm vào những cuộc truy hoan orgie thần bí của thú dâm dục đồi bại nằm trong các nghi thức tối cao của lễ tế hoạn nữ thần Isis. Hoàng hậu bao giờ cũng xuất hiện cùng các tư tế hoạn thi, và ngay giờ đây, khi một người trong số họ nhíp nhàng phe phẩy chiếc quạt làm bằng lông công lên đầu nàng thì một đám đông khác ngồi trên sàn nhà dán chặt những cặp mắt khoái lạc, mê mẩn đến mất trí lên người hoàng hậu. Lỗ mũi của họ phập phồng ngậy ngất bởi mùi hương tỏa ra từ thân thể nàng, những ngón tay run rẩy của họ cố tìm cách kín đáo chạm vào mép tấm áo mỏng khẽ xao động trên người nàng. Lòng ham muốn quá độ không bao giờ được thỏa mãn đã kích thích trí tưởng tượng của họ đến cực điểm. Sự sáng tạo của họ trong các thú thưởng thức khoái cảm Cybele và Asherah^[28] đã vượt ra ngoài mọi khả năng của con người. Vì hoàng hậu, họ ghen tuông với nhau, với tất cả đàn ông, đàn bà và trẻ con, thậm chí ghen với chính bản thân hoàng hậu, họ thờ phụng nàng còn hơn cả thờ phụng nữ thần Isis. Họ vừa si mê nàng, vừa căm ghét nàng, vì nàng là nguồn gốc cháy bỏng và vô tận của những nỗi đau khổ vừa tàn bạo, vừa ngọt ngào của họ.

Khắp Jerusalem truyền tụng những tin đồn ám muội, hung dữ, khủng khiếp và đầy quyến rũ mê hồn về hoàng hậu Astiz. Bố mẹ của các cậu con trai, con gái xinh đẹp tìm cách giữ con cái tránh xa cặp mắt của hoàng hậu, người ta không dám nhắc đến tên nàng trên giường ngủ của các cặp vợ chồng như dấu hiệu của những điều ô uế và bất hạnh. Nhưng tính hiếu kỳ đầy khêu gợi và say mê đã cuốn hút những linh hồn đến với nàng, trao những thể xác vào vòng tay quyền lực của nàng. Bất cứ ai dù chỉ một lần được hưởng những vuốt ve đắm máu cuồng loạn của hoàng hậu Astiz thì sẽ không bao giờ quên được nàng và vĩnh viễn chịu số phận những kẻ nô lệ bị

ruồng bỏ thảm hại của nàng. Sẵn sàng chấp nhận mọi sự nhục nhã, sẵn sàng phạm pháp và gây tội ác để lại được thêm một lần chiếm hữu thân thể nàng, họ trở nên giống như những kẻ bất hạnh một lần ném thứ thứ nước đắng a phiến của xứ Ophir mang lại những giấc mộng ngọt ngào, khiến từ nay họ chỉ thèm muốn, ao ước, ngưỡng mộ một mình nó cho đến khi phải rời bỏ cõi đời vì kiệt sức và điên loạn.

Chiếc quạt nhịp nhàng phe phẩy bầu không khí nóng nực. Đám tư tế hoạn thị trong cơn ngây dại cảm lạnh ngồi chiêm ngưỡng bà chúa tế khủng khiếp của mình. Nhưng dường như hoàng hậu đã quên mất sự tồn tại của họ ở quanh mình. Khẽ gạt tấm màn vải sang bên, nàng nhìn không rời mắt qua phía đối diện ở bên kia bàn thờ, nơi trước đây từ sau những nếp gấp tối thẫm của bức trướng cổ viền vàng thường hiện ra gương mặt rạng rỡ, tuấn nhã của nhà vua nước Israel. Chỉ một mình ngài là người được nàng Astiz hiểu tâm và tàn bạo, bà hoàng hậu bị ruồng bỏ, yêu bằng toàn bộ trái tim cuồng nhiệt và hư tật của mình. Nàng tìm khắp nơi một ánh nhìn thoáng qua, một lời nói dịu dàng, một cái chạm tay lướt nhẹ của ngài, mà không được. Trên các buổi thiết triều long trọng, giữa các bữa tiệc trong cung và vào những ngày xử án, vua Solomon đối xử với nàng một cách kính trọng như với một hoàng hậu, một công chúa con vua, nhưng tâm hồn ngài đã chết lạnh đối với nàng. Và rất nhiều lần bà hoàng hậu ngạo mạn đã phải ra lệnh vào những giờ thích hợp cố ý khiêng kiệu mình đi ngang qua cung Liban để dẫn từ xa, không ai nhận thấy, qua lần vải dày của tấm màn che, được nhìn thấy giữa đám đông triều thần khuôn mặt kiêu hãnh, khô hừng của vua Solomon. Và đã từ lâu, tình yêu nhiệt cuồng của nàng đối với nhà vua đã hòa trộn với lòng căm thù cháy bỏng, đến mức chính hoàng hậu Astiz cũng không thể tách phân được chúng ra.

Trước đây vua Solomon vẫn ngự giá xuống đền Isis vào những ngày đại lễ và dâng vật tế lên nữ thần, thậm chí ngài còn nhận chức tư tế thượng phẩm, người thứ hai sau hoàng đế Ai Cập. Nhưng những nghi thức thần bí của lễ

Tế Máu Sinh Thực đã khiến trí tuệ và trái tim ngài phải từ bỏ sự ngưỡng mộ Đức Mẹ và các thần.

- Người nào bị hoạn hoặc vì ngu dốt, hoặc bị cưỡng bức, hoặc bởi tai nạn, hoặc do bệnh tật, kẻ đó không có tội lỗi trước thần linh, - nhà vua nói. - Nhưng thật đau khổ cho kẻ nào lại tự mình đi gây tật cho mình.

Và thế là đã hàng năm nay, buồng của nhà vua trong ngôi đền bị bỏ trống. Và ánh mắt si mê cháy bỏng của hoàng hậu khao khát nhìn mãi lên tấm màn bất động chỉ hoài công vô ích.

Trong lúc đó, rượu vang, rượu seeker và mùi trầm hương ngào ngạt đã có tác động rõ rệt đến những người tụ tập trong đền. Đã vang lên nhiều hơn tiếng cười, tiếng la hét, tiếng bình, chén bằng bạc rơi lên sàn đá. Phút tế máu thần bí vĩ đại đang đến gần. Cơ cuồng hứng đã bao trùm lên tất cả.

Hoàng hậu đưa ánh mắt lơ đãng nhìn lướt qua ngôi đền và các tín đồ. Ở đây có rất nhiều những người đáng kính và danh tiếng thuộc đoàn tùy giá vua Solomon và những người thân cận, các tướng lĩnh của nhà vua: Ben-Geber, lãnh chúa đất Argov; Ahimaaz, phò mã, chồng công chúa con vua Basemath; Ben-Decker thông minh; Zavuf được mang tước hiệu cao quý theo phong tục phương Đông là “bạn vua”; anh trai Solomon, con vua David trong cuộc hôn nhân đầu tiên - Daluia, một người suy nhược, dở sống dở chết, mất trí, lẩm cẩm trước tuổi vì cuộc sống quá xa hoa và nghiện ngập. Tất cả bọn họ - một số do tín ngưỡng, một số vì các tính toán vụ lợi, một số do bắt chước, còn số khác do những mục đích hiếu sắc - đều là tín đồ của nữ thần Isis.

Thế rồi ánh mắt của hoàng hậu dừng lại rất lâu và chăm chú, với một vẻ nghĩ ngợi căng thẳng, trên khuôn mặt trẻ trung, tuấn tú của Eliab, một trong những người chỉ huy quân thị vệ của vua Solomon.

Hoàng hậu biết rõ vì sao gương mặt da ngăm ngăm của Eliab lại cháy bừng lên như vậy, vì sao cặp mắt nóng bỏng của gã với một nỗi u buồn da diết

như vậy lại hướng về đây, lên tấm màn che khê lay động bởi những cử động của đôi cánh tay nuột nà đẹp tuyệt trần của hoàng hậu. Một lần, gần như đùa bỡn, tuân theo ý muốn nhất thời thoáng qua, nàng bắt Eliab hưởng cùng mình cả một đêm dài lạc thú. Đến sáng, nàng thả cho gã về, nhưng từ đó cho đến nay đã nhiều ngày liên tục, hoàng hậu thấy ở khắp nơi - trong cung vua, nơi đền thờ, ngoài đường phố - hai con mắt si mê, nhẵn nhụi u buồn của gã bám riết dõi theo nàng.

Hai hàng lông mày đen nhánh nhíu lại và cặp mắt dài xanh biếc của hoàng hậu bỗng nhiên trở nên tối thẫm bởi một ý nghĩ khủng khiếp. Bằng cử động khó nhận thấy của bàn tay, nàng ra lệnh viên tư tế hoạn thị hạ quạt xuống, rồi nói khẽ:

- Tất cả ra khỏi đây. Husai, người hãy đi gọi Eliab, quan chỉ huy thị vệ vào đây gặp ta. Nhớ là chỉ được đến một mình.

XI

Mười viên tư tế bận đồ trắng với những vệt đỏ loang lỗ bước ra giữa đàn thờ. Theo sau là hai viên tư tế mặc xiêm y đàn bà - hôm nay họ phải đóng vai Nephthys và Isis khóc than Osiris. Tiếp đó, từ sâu phía sau bàn thờ hiện ra một người khoác áo choàng khiton thô không có vật trang sức nào; ánh mắt của tất cả đàn bà lẫn đàn ông trong đền lập tức háo hức dán chặt lên người anh ta. Đó chính là viên tu sĩ ẩn cư đã trải qua một cuộc thử thách quên mình cực nhọc suốt mười năm trên núi Liban và hôm nay sẽ tình nguyện dâng lễ tế máu sinh thực vĩ đại lên nữ thần Isis. Khuôn mặt anh ta hốc hác vì đói khát, cháy sạm nắng gió, vẻ khắc khổ, nhợt nhạt, cặp mắt nghiêm cần nhìn xuống đất, và từ người anh ta một nỗi kinh hoàng siêu nhiên toát ra bao trùm lên đám đông.

Bước ra sau cùng là viên đại tư tế của đền thờ, một tu sĩ già trăm tuổi, đầu đội mũ tế, vai choàng da hổ, ngực khoác yếm gấm thêu hình đuôi chó núi.

Quay mặt về phía những người đang cầu nguyện, viên đại tư tế cất giọng già nua, êm ái và run rẩy:

- Sutop di gotpu (Đức vua dâng lễ).

Rồi quay người sang phía bệ đặt vật tế, ông nhận từ tay người giúp việc một con bồ câu trắng chân đỏ, chặt đứt đầu chim, moi quả tim từ trong ngực của nó ra, vẩy máu làm phép thánh lên bệ thờ và lên con dao thiêng bằng đá đặt trên đó.

Sau một hồi im lặng ngắn, viên đại tư tế cao giọng:

- Chúng ta hãy khóc than thần Osiris vĩ đại!

Hai tu sĩ hoạn thị vận xiêm y đàn bà - tượng trưng cho Isis và Nephthys - lập tức bắt đầu than khóc bằng giọng du dương rất hài hòa với nhau:

- “Hãy trở về ngôi nhà của mình đi, hỡi chàng trai tuấn tú. Được trông thấy chàng là nỗi mong mỏi khao khát. Isis đang khẩn nài chàng. Isis, người đã được hoài thai trong cùng một nang bào, là vợ, là em gái của chàng.

Hãy cho chúng ta thấy lại gương mặt chàng, hỡi vị minh thần sáng láng. Đây là Nephthys, em gái của chàng, đang nhỏ lệ vò đầu vật vã khóc than.

Trong cơn bi thương tử biệt, chúng ta đi tìm thi thể của chàng đẹp tuyệt. Hỡi chàng Osiris, hãy trở về nhà của mình đi!”.

Hai viên tư tế khác cũng cất tiếng hòa giọng hát. Đó là thần Horus và Anubis thương khóc Osiris; mỗi khi họ vừa đọc lên một câu thơ, dàn đồng ca đứng trên các bậc tam cấp liền lặp lại một điệp khúc bi ai và trang trọng.

Tiếp đó cũng với bài hát trên, các viên chánh tư tế rước từ trong điện thờ ra tượng của nữ thần, giờ không đặt trong naos nữa, nhưng vẫn được phủ kín từ đầu đến chân bằng một tấm áo choàng đen dính những ngôi sao bằng vàng, chỉ để lộ ra đôi chân bạc với những con rắn quấn quanh, còn trên đầu là một đĩa tròn cũng bằng bạc gắn vào cặp sừng bò cái. Trong tiếng thanh la, lục lạc, tiếng khóc nã nê, đoàn rước nữ thần Isis chậm chạp rời bàn thờ đi theo bậc tam cấp xuống phòng lớn của đền, diễu quanh các bức tường, giữa những hàng cột.

Đó là nữ thần Isis đang tìm nhặt những mảnh thi thể của chồng mình bị ném tung đi khắp nơi để cùng với Toot và Anubis làm cho thần sống lại:

“Vinh quang thay thành Abydos đã cất giữ mái đầu tuyệt đẹp của chàng, ôi Osiris.

Vinh quang thay thành Memphis, nơi chúng ta tìm thấy cánh tay phải của vị thần vĩ đại, cánh tay chiến tranh và cứu nạn.

Và vinh quang thay thành Sais đã giữ gìn cánh tay trái của đấng minh thần sáng láng, cánh tay phán xử công bình.

Và vinh quang thay thành Thebes, nơi trái tim thần Osiris yên nghỉ”.

Cứ thế, nữ thần đi khắp đền, quay trở lại bàn thờ, và tiếng hát mỗi lúc một trở nên say sưa, vang to hơn. Cơ hứng cảm thiêng liêng đã xâm chiếm cả các tư tế hành lễ lẫn những người cầu nguyện. Isis đã tìm thấy tất cả các phần thân thể của thần Osiris, chỉ còn thiếu một bộ phận - đó là phallus thiêng liêng, vật làm thụ thai mẫu bào tạo sinh ra sự sống vĩnh cửu mới. Sắp bắt đầu nghi thức vĩ đại nhất của lễ bí thần Osiris và Isis...

- Nhà ngươi đấy phải không, Eliab? - Hoàng hậu Astiz hỏi chàng trai vừa lặng lẽ bước vào cửa.

Trong bóng tối của gian phòng, gã câm lặng quỳ xuống dưới chân nàng và ghé môi hôn lên mép áo nàng. Hoàng hậu cảm thấy gã đang khóc vì sung sướng, xấu hổ và thèm muốn. Đặt bàn tay lên mái đầu tóc quăn và cứng của gã, hoàng hậu cất tiếng:

- Eliab, nhà ngươi hãy kể cho ta nghe tất cả những gì ngươi biết về nhà vua và về cô gái trông vườn nho nọ.

- Ôi, thưa hoàng hậu, hoàng hậu yêu nhà vua đến thế! - Eliab thốt ra với một tiếng rên cay đắng.

- Nói đi... - Astiz ra lệnh.

- Tôi có thể nói gì đây, thưa hoàng hậu? Trái tim tôi tan vỡ vì ghen tuông.

- Nói đi!

- Nhà vua chưa từng yêu ai như yêu cô ta. Ngài không một phút giây nào rời bạn tình mới. Đôi mắt ngài chói ngời hạnh phúc. Ngài ban phát cho mọi người quanh mình rất nhiều ân sủng và quà tặng. Nhà vua, một đấng kiêu hùng, anh minh, giờ như một kẻ nô lệ phủ phục dưới chân cô ta, và như một con chó không rời mắt khỏi mặt chủ...

- Nói đi!

- Ôi, sao hoàng hậu hành hạ tôi đến thế! Và cô ta... cô ta là hiện thân của tình yêu, của sự âu yếm và đắm say! Cô ta dịu hiền và e lệ, cô ta không biết, không thấy gì ngoài tình yêu của mình. Cô ta không làm ai tức giận, ghen tuông, ganh ghét...

- Nói đi! - Hoàng hậu rên lên cuồn loạn, bấu chặt những ngón tay mềm mại của mình vào mái tóc quăn của Eliab, kéo đầu gã vào sát người mình, làm cho những mảnh trang sức bằng bạc trên chiếc áo trong suốt của nàng cào rách mặt gã.

Cũng trong lúc đó trên bàn thờ quanh bức tượng nữ thần phủ trong tấm áo choàng đen, các nam tư tế và nữ tư tế quay cuồn trong cơn hứng khởi thiêng liêng và phát ra những tiếng gầm gào giống như tiếng sủa dưới dàn đệm của thanh la, chũm chọe.

Một số trong bọn họ tự quật những chùm roi nhiều ngọn làm bằng da tê giác lên thân mình, một số khác dùng dao ngắn vạch lên ngực, lên vai mình những vết thương dài đẫm máu, có người lại dùng tay xé miệng, dứt tai mình và lấy móng tay cào nát mặt mình. Ở chính giữa đám người hát múa cuồn loạn này, ngay dưới chân của nữ thần, viên tu sĩ ẩn cư từ núi Liban xuống đang quay tròn một chỗ trong chiếc áo dài trắng như tuyết với một tốc độ khó hình dung nổi. Chỉ có viên đại tư tế từ đầu đến giờ vẫn đứng bất động, trong tay cầm con dao tế thiêng bằng đá vô chai obsidian xứ Ethiopia để sẵn sàng trao vào phút khùng khiếp cuối cùng.

- Phallus! Phallus! Phallus! - Các nam nữ tư tế gào lên trong cơn cuồn khoái tột độ. - Phallus của ngài đâu, hỡi vị thần sáng láng! Hãy đến để thụ tinh nữ thần đi. Kìa bộ ngực của nữ thần đang bị giầy vò vì khao khát! Và bụng nữ thần như sa mạc trong những tháng hè nóng bỏng chờ mưa.

Một tiếng rú chói tai điên loạn, khùng khiếp trong một thoáng át đi toàn bộ dàn đồng ca. Các nam tư tế và nữ tư tế vội lùi ra hai bên, tất cả mọi người có mặt trong đền thờ trông thấy người tu sĩ ẩn cư trên núi Liban xuống đứng hoàn toàn trần truồng với thân hình dài ngoẵng, vàng bủng và xương

xấu. Viên đại tư tế trao con dao đá cho anh ta. Trong đêm trở nên im phăng phắc. Viên tu sĩ ẩn cư cúi nhanh người xuống, làm một động tác đột ngột, rồi ngẩng lên, cùng với tiếng hú đau đớn và khoái lạc ném một miếng thịt không có hình dạng dầm máu xuống chân nữ thần.

Anh ta lão đảo. Viên đại tư tế thận trọng đỡ lấy anh ta, quàng tay qua lưng dẫn đến bên tượng nữ thần Isis, nhẹ nhàng nâng tấm áo choàng đen phủ lên đầu anh ta và giữ nguyên như vậy một lúc để anh ta có thể kín đáo, người ngoài không trông thấy, gắn chiếc hôn của mình lên miệng của nữ thần đã được thụ tinh.

Ngay liền sau đó, anh ta được đặt lên cáng và khiêng đi khỏi bàn thờ. Viên tư tế trông cửa bước ra ngoài cửa ngôi đền, vung cây búa gỗ đánh lên mặt chiếc chuông đồng lớn để thông báo cho toàn thể thế giới biết rằng điều bí ẩn thiêng liêng và vĩ đại của việc thụ tinh nữ thần đã hoàn tất. Tiếng chuông đồng cao vút ngân nga vang lên trên bầu trời Jerusalem.

Hoàng hậu Astiz vẫn tiếp tục quẫn quại toàn thân, nâng đầu Eliab đẩy ngửa ra phía sau. Hai mắt nàng cháy lên một ngọn lửa đỏ căng thẳng. Và nàng ném ra chậm chạp, từng lời một:

- Eliab, anh có muốn ta sẽ làm cho anh thành vua của nước Judea và Israel không? Anh có muốn trở thành chúa tể của toàn bộ xứ Syria và Mesopotamia, Phoenicia và Babylon không?

- Không, thưa hoàng hậu, tôi chỉ muốn nàng...

- Được, anh sẽ là ông chủ của ta. Tất cả những đêm dài của ta sẽ thuộc về anh. Từng lời nói, từng cái nhìn, từng hơi thở của ta sẽ thuộc về anh. Anh biết mật lệnh vào cung. Hôm nay anh hãy đến đó, và giết chết họ. Anh sẽ giết chết cả hai người! Anh phải giết chết cả hai người!

Eliab muốn cất tiếng nói một điều gì đó. Nhưng hoàng hậu đã kéo gã đến sát bên mình và đặt lên miệng gã cặp môi nóng bỏng cùng đầu lưỡi của

mình. Chiếc hôn kéo dài rất lâu. Rồi đột ngột đẩy chàng trai ra khỏi mình, hoàng hậu Astiz ra lệnh ngắn gọn và đầy uy quyền:

- Đi đi!

- Tôi xin đi ngay, - Eliab cúi cung đáp.

XII

Và đây là đêm thứ bảy mỗi tình vĩ đại của Solomon. Đêm hôm đó những vuốt ve âu yếm của vua Solomon và nàng Sulamif dịu dàng và sâu thẳm khác thường. Dường như có một nỗi buồn trầm mặc, một vẻ e ấp thận trọng, một linh cảm mơ hồ nào đó bao phủ lớp bóng nhẹ lên những lời nói, những vòng tay ôm ấp và những chiếc hôn của họ.

Nhìn qua cửa sổ lên bầu trời, nơi bóng đêm về đã chiến thắng ráng chiều tàn lụi, Sulamif dừng ánh mắt ở một ngôi sao xanh biếc đang lung linh tỏa những tia sáng dịu êm và rực rỡ.

- Ngôi sao kia tên là gì, ôi chàng của em? - Sulamif hỏi.

- Đó là sao Thiên Lang, - nhà vua đáp. - Một ngôi sao thiêng. Các pháp sư Assyria nói rằng linh hồn của tất cả mọi người sau khi thể xác chết sẽ lên sống ở đây.

- Chàng có tin vào điều đó không, hoàng đế của em?

Vua Solomon không đáp. Cánh tay phải của ngài kê dưới đầu Sulamif, còn tay trái ngài ôm ngang người nàng, và nàng cảm thấy hơi thở thơm ngậy của ngài nơi cơ thể mình, trong mái tóc và trên thái dương.

- Có thể sau khi chúng ta chết, ở đó em sẽ được gặp lại chàng phải không quân vương của em? - Sulamif băn khoăn hỏi.

Nhà vua vẫn lặng im không đáp.

- Hãy trả lời em nghe một điều gì đi, ôi người yêu của em, - Sulamif rụt rè nài nỉ.

Lúc đó nhà vua mới nói:

- Cuộc đời con người rất ngắn ngủi, nhưng thời gian lại vô cùng và vật chất là vĩnh cửu. Con người chết đi, biến thành tro bụi bón cho mặt đất mỡ màu, đất lại nuôi cây lúa mì mọc lên, cây lúa mì sinh hạt, người ta ăn hạt lúa mì và như vậy là ăn chính thân xác của mình. Hằng hà sa số những thế kỉ trôi qua, tất cả trong vũ trụ này đều lặp lại - con người, thú vật, ngọc đá, cây cối. Trong vòng luân chuyển vĩ đại của thời gian và vật chất, ta và nàng cũng sẽ được lặp lại, ôi người yêu của ta. Điều đó cũng giống như khi chúng ta bỏ đầy một chiếc túi lớn những hòn sỏi nhỏ nhặt trên bờ biển, trong đó ném lẫn vào chỉ một viên ngọc quý sa-phia, và trong rất nhiều lần nhặt sỏi từ trong túi ra, sớm hay muộn, ta cũng sẽ gặp được viên ngọc quý nọ. Ta với nàng sẽ gặp nhau, Sulamif ạ, chúng ta sẽ không nhận ra nhau, nhưng trái tim của chúng ta sẽ hướng đến cùng nhau trong nỗi hân hoan và buồn nhớ, vì rằng chúng ta đã gặp nhau rồi, ôi nàng Sulamif dịu hiền, toàn hảo của ta, nhưng chúng ta không còn nhớ điều đó nữa.

- Không, chàng ơi, không phải thế! Em còn nhớ, khi chàng đứng dưới cửa sổ nhà em và gọi em: “Ôi, bạn tình xinh đẹp của ta, hãy ra đây cùng ta, mái tóc ta đã ướt đẫm sương đêm!” - thì em đã nhận ra chàng, em đã nhớ ra chàng và một niềm sung sướng pha lẫn kinh hoàng bóp nghẹt lấy trái tim em. Hãy nói cùng em, ôi quân vương của em, hãy nói em nghe, ôi Solomon của em: nếu ngày mai em chết, thì chàng có nhớ em, cô gái vườn nho da ngăm ngăm đen của chàng, Sulamif của chàng không?

Ôm ghì mái đầu của nàng vào ngực mình, vua Solomon xúc động thì thầm:

- Nàng đừng bao giờ nói như vậy... đừng nói như vậy, ôi Sulamif! Nàng đã được Đức Chúa Trời lựa chọn, nàng là chân thân hiện tại, nàng là nữ chúa của linh hồn ta... Cái chết sẽ không động tới nàng...

Một tiếng chuông đồng dờ dật chợt vang trên bầu trời Jerusalem. Tiếng chuông rền rĩ chao đảo rất lâu trong thình không, và khi nó đã im rồi, những hồi âm run rẩy mãi vẫn còn lượn lờ quanh quất.

- Đó là ở đền thờ nữ thần Isis buổi tế lễ đã kết thúc, - vua Solomon nói.

- Em thấy sợ lắm, ôi chàng tuyệt vời của em! - Sulamif thì thầm. - Một nỗi kinh hoàng tăm tối xâm chiếm lòng em... Em không muốn chết... Em còn chưa được thỏa những vòng tay âu yếm của chàng. Hãy ôm em đi... Hãy ghi chặt em hơn nữa... Hãy đặt em như dấu ấn lên trái tim chàng, như dấu ấn lên da thịt chàng!...

- Nàng đừng sợ chết, ôi Sulamif. Tình yêu cũng mạnh ngang cái chết. Nàng hãy xua đi những ý nghĩ u buồn. Nàng có muốn ta kể cho nàng nghe về những cuộc chiến tranh của vua David, về các yến tiệc và những chuyến đi săn của hoàng đế Sussakim? Nàng có muốn nghe một trong những câu chuyện cổ tích bắt nguồn ở xứ Ophir?... Nàng có muốn ta kể về các chuyện kì diệu của Vakramaditya?

- Em rất muốn chứ, ôi hoàng đế của em. Chàng cũng biết rằng khi nghe chàng nói, trái tim em như mọc cánh vì sung sướng! Nhưng em lại muốn cầu xin chàng về một điều khác...

- Ôi, Sulamif, nàng hãy nói tất cả những gì nàng muốn! Nàng hãy hỏi xin ta cuộc sống của ta - ta sẽ trao ngay nó cho nàng với niềm hoan lạc. Ta sẽ chỉ tiếc rằng đã đền đáp tình yêu của nàng bằng một giá quá mọn mà thôi.

Sulamif rạng rỡ mỉm cười trong đêm tối vì hạnh phúc, nàng vòng tay ôm quanh cổ vua Solomon, thì thầm vào tai ngài:

- Vậy em xin chàng, ngày mai trời vừa sáng, chàng hãy cùng em đi đến đó... tới vườn nho... Đến nơi bãi cỏ và những cây bá hương, nơi cạnh bức tường đá thấp hai tay chàng đã chiếm đoạt hồn em. Em xin chàng điều đó, ôi người yêu quý của em... Ở đó em sẽ lại dâng chàng những âu yếm của em.

Nhà vua đắm đuối hôn lên đôi môi người bạn tình.

Nhưng Sulamif bỗng đột ngột ngồi dậy trên giường và lắng nghe.

- Có chuyện gì vậy, ôi nàng bé bỏng của ta? Cái gì làm nàng sợ? - Vua Solomon hỏi.

- Khoan đã, ôi chàng của em... Có người đang đi đến đây... Đúng thế... Em nghe tiếng chân bước.

Nàng ngừng nói. Nhưng xung quanh im lặng đến mức hai người nghe rõ cả nhịp tim đập của nhau.

Có một tiếng gì đó khẽ vang lên phía ngoài bức tường và cánh cửa phòng bỗng mở toang không tiếng động.

- Ai đấy? - Solomon quát hỏi.

Nhưng Sulamif đã vụt chồm dậy khỏi giường, bằng một bước nhảy lao đến đón bóng người đen cầm thanh kiếm sáng loáng trong tay. Và ngay lúc đó, bị một nhát đâm nhanh và gần, nàng kêu thốt lên yếu ớt như thể ngạc nhiên và ngã xuống sàn nhà.

Vua Solomon vung tay đập vỡ bức màn bằng ngọc hồng mã não che ngọn đèn đêm. Ngài trông thấy Eliab đứng cạnh cửa, hơi cúi xuống bên người Sulamif, lão đảo như đang say. Dưới cái nhìn của vua Solomon, viên tướng trẻ ngẩng đầu lên. Bất gặp đôi mắt thịnh nộ, khủng khiếp của nhà vua, gã tái nhợt người và rên lên. Sự tuyệt vọng và kinh hoàng làm méo xệch khuôn mặt gã. Đột nhiên cúi gập người xuống, rứt đầu vào cổ áo khoác ngoài, gã len lét, như một con chó hoang khiếp đảm, bắt đầu bò ra khỏi buồng. Nhưng nhà vua, chỉ nói đúng ba tiếng, đã bắt gã dừng lại:

- Ai ép người?

Cả người run rẩy, hai hàm răng va vào nhau, mắt trắng dã vì kinh hoàng, viên tướng trẻ đáp khàn khàn:

- Hoàng hậu Astiz...

- Đi khỏi đây ngay, - vua Solomon ra lệnh, - Hãy nói với đội cấm vệ để họ canh phòng nhà người.

Một lúc sau mọi người cầm đèn nháo nhác chạy khắp cung điện. Tất cả các buồng đều sáng trưng. Các quan ngự y, tướng lĩnh và bạn bè nhà vua kéo đến.

Quan chánh ngự y nói:

- Tâu bệ hạ, giờ thì cả Chúa Trời lẫn khoa học đều chịu bó tay. Khi rút thanh kiếm cắm ở ngực ra, nàng sẽ chết.

Vừa đúng lúc đó Sulamif tỉnh lại và cất tiếng nói với nụ cười thanh thản:

- Em muốn uống nước.

Khi đã uống xong, với nụ cười dịu dàng đẹp mê hồn, nàng dừng ánh mắt của mình trên gương mặt vua Solomon và không rời ra nữa; còn nhà vua quỳ trước giường nàng, cũng hoàn toàn khóa thân như nàng, không nhận thấy hai đầu gối của mình tằm ngập trong máu nàng và đôi tay mình cũng nhuộm đầy máu đỏ.

Và nàng Sulamif kiều lệ tuyệt vời đắm đuối nhìn người yêu quý của mình, mỉm cười dịu dàng và khó nhọc nói từng lời một:

- Em xin tạ ân chàng, ôi hoàng đế của em, vì tất cả: vì tình yêu của chàng, vì vẻ tuấn kiệt của chàng, vì sự anh minh thông thái của chàng, mà chàng đã cho phép em áp môi mình lên đó như lên một nguồn mạch ngọt ngào. Hãy cho em hôn đôi tay chàng, xin đừng gỡ tay chàng khỏi miệng em cho đến khi hơi thở cuối cùng chưa rời bỏ ngực em. Chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có người đàn bà nào hạnh phúc hơn em. Em tạ ân chàng, ôi đấng vương quân của em, bạn tình yêu quý của em, chàng đẹp tuyệt vời của em. Xin chàng một đôi khi hãy nhớ đến người nô lệ của chàng, hãy nhớ đến nàng Sulamif bị mặt trời đốt râm của chàng.

Vua Solomon đáp lời nàng bằng một giọng trầm và chậm:

- Cho đến khi nào những con người sẽ vẫn còn yêu nhau, khi vẻ đẹp của tâm hồn và thể xác vẫn là niềm mơ ước tốt đẹp nhất, ngọt ngào nhất trên cõi

đời, ta thề với nàng, ôi Sulamif, tên của nàng vẫn sẽ được nhắc đến với một niềm âu yếm và tri ơn qua nhiều thế kỉ.

Gần sáng, nàng Sulamif không còn nữa.

Đến lúc đó nhà vua mới đứng dậy; ngài ra lệnh tắm rửa cho mình rồi mặc tấm áo bào màu huyết dụ lộng lẫy nhất thêu hình những con scarab^[29] thiêng bằng vàng, đội lên đầu chiếc vương miện làm bằng hồng ngọc đỏ như máu tươi. Đoạn ngài gọi Vanya đến và điềm tỉnh nói:

- Vanya, nhà ngươi sẽ đi giết chết Eliab.

Nhưng viên tướng già đưa hai tay ôm mặt và quỳ sụp xuống trước mặt vua:

- Tâu bệ hạ, Eliab là cháu của hạ thần!

- Người đã nghe rõ ta nói chưa, Vanya?

- Thừa bệ hạ, xin người hãy tha cho hạ thần, đừng trút cơn thịnh nộ lên đầu hạ thần, hãy ra lệnh cho một người nào khác làm việc đó. Eliab sau khi ra khỏi cung điện đã chạy vào đền thờ và ôm lấy sừng thiêng trên bệ đặt vật tế. Hạ thần già rồi, cái chết đã đến gần, và hạ thần không dám đè nặng lên linh hồn mình một lúc hai tội lớn như vậy.

Nhưng nhà vua bác lại:

- Thế khi ta sai nhà ngươi giết chết Adonias, anh trai của ta, lúc đó cũng đã ôm lấy sừng thiêng của bệ thờ, sao nhà ngươi tuân lời ngay, Vanya?

- Xin bệ hạ tha tội! Xin bệ hạ hãy thể tình cho hạ thần!

- Ngẩng mặt lên! - Vua Solomon ra lệnh.

Khi Vanya ngẩng mặt lên và bắt gặp ánh mắt của nhà vua, lão vội đứng dậy và lạng lẽ đi ra cửa.

Tiếp đó quay sang phía Ahissar, quan chỉ huy ngự lâm quân và coi sóc cung vua, Solomon ra lệnh:

- Ta không muốn bắt hoàng hậu phải chết, cứ để cho bà ta sống như thế nào tùy ý, chết ở đâu tùy ý. Nhưng sẽ không bao giờ được nhìn thấy mặt ta nữa. Ahissar, ngay hôm nay người hãy phái một đoàn súc vật thồ và tiễn hoàng hậu đến bến thuyền Jaffa, rồi từ đó lên đường về Ai Cập, đến cung hoàng đế Sussakim. Còn bây giờ tất cả hãy lui ra.

Còn lại một mình trong phòng với thi hài Sulamif, vua Solomon ngắm nhìn rất lâu những đường nét tuyệt mỹ của nàng. Gương mặt nàng trắng nhợt, chưa bao giờ mặt nàng lại xinh đẹp đến vậy lúc sinh thời. Đôi môi hé mở mới một giờ trước đây hãy còn hôn vua Solomon giờ đang mỉm cười bí ẩn và khoái lạc, để hở ra hai hàm răng trắng ánh lên ẩm ướt.

Nhà vua nhìn người yêu đã chết của mình rất lâu, rồi ngài khe khẽ chạm ngón tay lên vầng trán đã bắt đầu mất dần hơi ấm cuộc sống của nàng; và chậm chạp, rất chậm chạp, ngài bước ra khỏi phòng.

Ngoài cửa, thầy cả thượng phẩm Azariah, con trai của Zadok, đang đứng chờ ngài. Tiến đến cạnh nhà vua, Azariah hỏi:

- Tâu bệ hạ, chúng ta sẽ làm gì với thi hài người đàn bà này? Hôm nay là ngày lễ Sabba^[30].

Nhà vua nhớ lại nhiều năm trước, khi phụ thân của ngài qua đời, thi hài nằm trên cát đã bắt đầu rữa ra. Một bầy chó người thấy mùi xác chết tụ tập xung quanh với những cặp mắt đỏ ngầu vì đói và thèm thường. Lúc đó, cũng như bây giờ, thầy cả thượng phẩm, một ông già lụ khụ, cha của Azariah, đã hỏi ngài:

- Phụ thân của bệ hạ năm kia, lũ chó có thể cắn xé thi hài người. Chúng ta phải làm gì bây giờ? Lập đàn tế vong linh đức vua và làm ô uế ngày lễ Sabba, hay tuân thủ luật lệ ngày lễ Sabba mà để thi hài phụ thân bệ hạ nằm đấy cho lũ chó sói cắn xé?

Lần ấy vua Solomon đáp:

- Hãy để đấy. Con chó sống tốt hơn con sư tử chết... Giờ đây, sau những lời của thầy cả thượng phẩm, ngài nhớ lại chuyện đó, trái tim ngài thắt lại vì đau buồn và kinh sợ.

Không trả lời câu hỏi của thầy cả thượng phẩm, ngài bước đi tiếp đến cung pháp đình.

Như thường lệ vào mọi buổi sáng, hai viên thư lại của ngài là Elihofer và Ahijah đã chầu chực trên chiếu ở hai bên ngai vàng, tay cầm sẵn cuộn giấy chỉ thảo, bút và mực. Khi nhà vua bước vào, hai người đứng dậy, cúi sát đất lạy chào. Vua Solomon ngồi lên ngai làm bằng ngà voi với các vật trang trí bằng vàng, đặt khuỷu tay lên lưng con sư tử vàng, nghiêng đầu kê lên bàn tay và ra lệnh:

- Viết đi!

“Hãy đặt em như dấu ấn lên trái tim chàng, như nhẫn ngọc lên ngón tay chàng, vì rằng ái tình mạnh ngang cái chết, và lòng ghen dữ dội như địa ngục: Những mũi tên của nó là những mũi tên lửa”.

Rồi ngài ngồi lặng đi rất lâu, khiến hai viên thư lại nghệt thở vì lo lắng; cuối cùng ngài nói:

- Hãy để ta lại một mình.

Suốt cả ngày hôm đó, cho đến khi bóng đêm bắt đầu buông xuống, vua Solomon ngồi cô đơn trên ngai vàng với những ý nghĩ của mình, không một ai dám bước chân vào cung pháp đình rộng mênh mông và trống vắng.

HẾT

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Chú thích

[1] Nhã ca: Một phần của kinh Cựu Ước, tập hợp những bài ca trữ tình tương truyền là của vua Solomon, nói về một tình yêu say đắm vượt lên tất cả. A.I. Kuprin đã dựa theo Nhã ca để viết truyện này. Trong một bản Kinh Thánh bằng tiếng Việt, đoạn trích trên được dịch như sau: Hãy để tôi như một cái ấn nơi lòng chàng: Vì ái tình mạnh như sự chết. Lòng ghen tuông hung dữ như âm phủ, Sự nóng nó là sự nóng của lửa.

[2] Solomon: Vua thứ ba của người Do Thái, con trai David, trị vì nước Israel - Judea trong thời kì cực thịnh, từ năm 965 đến năm 928 trước Công nguyên, nổi tiếng thông thái, giàu có, theo truyền thuyết là tác giả của nhiều cuốn sách trong Kinh Thánh.

[3] Palestin: Một vùng đất lịch sử ở Tây Á nằm giữa Địa Trung Hải và bờ sông Jordan, bao gồm cả Nhà nước cổ đại Israel - Judea, nơi theo truyền thuyết sinh ra chúa Jesu và đạo Thiên Chúa.

[4] Theo Kinh Thánh, một thời dân Israel sống nhờ xứ Ai Cập bị khốn khổ, được Đức Chúa Trời cứu dẫn ra khỏi xứ này. Đạo Do Thái và đạo Thiên Chúa kỉ niệm ngày này bằng lễ Vượt qua (tiếng Hi Lạp: Pascha).

[5] Tháng Zife: Tức tháng hai, theo lịch người Do Thái cổ đại.

[6] Jerusalem: Thành phố ở Palestin, kinh đô của nước Judea, đất thánh của đạo Do Thái, đạo Thiên Chúa và đạo Hồi.

[Z] Tháng Bul: Tháng Tám.

[8] Shekel: Đơn vị đo lường (khối lượng và tiền tệ) ở các nước phương Đông cổ đại, mỗi nước có một giá trị khác nhau (ở Judea vào thế kỉ II TCN một shekel bằng 14,25g).

[9] Talent (tiếng Latin: talentum): Đơn vị đo lường và tiền tệ lớn nhất thời cổ đại, ở mỗi nước có giá trị khác nhau.

[10] Cor: đơn vị đo lường cổ đại, chừng 200 - 240 lít.

[11] Một bát chùng 20 lít.

[12] Theo Kinh Thánh: Vua David quá già mặc áo không ấm, được bày tôi tìm cho một cô gái trẻ đồng trinh cho nằm trong lòng vua để sưởi ấm. Sau khi David chết, Solomon lên làm vua, anh cả Solomon là Adonias xin lấy Abisag, nhưng bị Solomon sai người đánh chết.

[13] Một câu trong Người truyền đạo, một phần của Kinh Cựu Ước, tương truyền là do vua Solomon sáng tác ra, nhưng các nhà nghiên cứu Kinh Thánh đã xác định là nó được viết ra vào thế kỉ III trước Công nguyên. A. Kuprin đưa vào truyện này nhiều câu, nhiều ý lấy từ Kinh Thánh nói chung và từ đoạn kinh Người truyền đạo nói riêng.

[14] Thần Sebac (hoặc Sebec hay Sobec): Thủy thần sông Nil của người Ai Cập, được thờ dưới dạng cá sấu hay mình người đầu cá sấu, về sau hòa nhập với thần Ra (thần Mặt trời) và thần Amon (thần Mùa màng), trở thành vị thần đứng đầu của Ai Cập.

[15] Những đoạn thơ trên đây là rút từ trong Nhã ca.

[16] Cỗ xe Amminadab: Chưa rõ nghĩa. Amminadab là một nhân vật trong kinh thánh, ông tổ của David, con của Aram. Có lẽ đây là cỗ xe tế lễ của vua Solomon.

[17] Tiếng Hi Lạp là Pascha, ở đây là ngày hội mùa xuân của dân Do Thái, về sau Thiên Chúa giáo lấy làm ngày lễ Phục sinh.

[18] Paracsang: Đơn vị đo chiều dài cổ đại.

[19] Jehova: Tên vị chúa tối cao của Do Thái giáo được nhắc đến trong Cựu Ước. Đức Chúa cha.

[20] Micra: Tiếng Latin là myrrha, dầu thơm chế bằng nhựa một số cây nhiệt đới ở châu Phi và Ả Rập dùng trong y học; thời cổ đại được dùng chủ yếu trong các buổi lễ tôn giáo.

[21] Khiton: Loại áo khoác nhẹ, thường không có tay áo, của người Hi Lạp xưa.

[22] Cổng ô Navoz: Cửa ô phía Đông - Nam tường thành Jerusalem, dùng để chở phân, rác ra ngoài thành; còn có tên là cổng ô Harshif.

[23] Isis: Nữ thần Đất màu, Nước và Gió, thần bảo vệ xác người chết, mẹ của thần Mặt trời Horus.

[24] Tháng Famenot: Tương đương giữa tháng ba lịch hiện đại.

[25] Phallus (tiếng Hi Lạp): Cơ quan sinh dục của đàn ông. Người xưa tin vào sức mạnh đặc biệt thiêng liêng của bộ phận sinh dục đàn ông như biểu tượng của phép sinh tạo trong tự nhiên, thần thánh hóa và thờ cúng nó qua các lời cầu nguyện, các bài hát, điệu múa mô phỏng hành động giao cấu, hiến dâng trinh tiết và tự hiến, như được nói đến trong truyện này.

[26] Naos (tiếng Hi Lạp) - gian điện chính trong các đền đài cổ đại, nơi đặt tượng thần.

[27] Orgie (tiếng Hi Lạp) - các nghi thức tế lễ đặc biệt thần bí dành cho một số vị thần phương Đông, Hi Lạp và La Mã cổ đại, mang nhiều hoạt động khoái lạc tập thể, như lễ Tửu thần (thần Bacchus), v.v...

[28] Cybele: Nữ thần được tôn thờ ở Phrygia, La Mã cổ đại, là mẹ của các thần; Asherah: Vợ của thần tối cao El của người Amori ở Phoenician, mẹ của các thần; lễ tế các nữ thần này có nhiều nghi thức thần bí và man rợ, như tự hành hạ mình, tắm máu vật tế, tự hiến mình, v.v...

[29] Scarab: Tiếng Latin: scarabaeus - một loài bọ hung, được những người Hi Lạp cổ đại thờ như vật thiêng.

[30] Sabba (tiếng Do Thái): Thứ Bảy, là một ngày lễ tôn giáo, mọi người phải nghỉ ngơi, yên tĩnh, không được làm việc.

Mục lục

Lời giới thiệu

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

Chú thích